

Dell UltraSharp UP2718Q

Sổ tay hướng dẫn sử dụng

Mẫu: UP2718Q
Mẫu quy định: UP2718Qt





LƯU Ý: LƯU Ý cho biết thông tin quan trọng giúp bạn sử dụng máy tính hiệu quả hơn.



CHÚ Ý: CHÚ Ý cho biết thiệt hại tiềm ẩn đối với phần cứng hoặc mất dữ liệu nếu bạn không thực hiện theo các hướng dẫn.



CẢNH BÁO: CẢNH BÁO cho biết nguy cơ gây thiệt hại tài sản, tổn thương cơ thể hoặc gây tử vong.

Bản quyền © 2017 Dell Inc. Bảo lưu mọi bản quyền. Sản phẩm này được bảo vệ bởi luật bản quyền và luật sở hữu trí tuệ Hoa Kỳ và quốc tế.

Logo Dell™ và Dell là các thương hiệu của Dell Inc. tại Hoa Kỳ và/hoặc các cơ quan thẩm quyền khác. Mọi nhãn hiệu và tên khác được đề cập trong tài liệu này có thể là thương hiệu của các công ty sở hữu liên quan.

Mục lục

| | |
|---|-----------|
| Giới thiệu màn hình | 5 |
| Phụ kiện trọn gói. | 5 |
| Tính năng sản phẩm. | 6 |
| Nhận biết các bộ phận và nút điều khiển | 7 |
| Thông số kỹ thuật màn hình | 10 |
| Cắm Vào Là Chạy | 20 |
| Chính sách chất lượng và điểm ảnh màn hình LCD | 20 |
| Lắp đặt màn hình | 21 |
| Lắp giá đỡ | 21 |
| Sử dụng chức năng Nghiêng, Xoay và Kéo dài thẳng | 24 |
| Điều chỉnh Cài đặt Màn hình Xoay cho Hệ thống của bạn | 25 |
| Kết nối màn hình. | 25 |
| Bố trí cáp | 29 |
| Tháo giá đỡ màn hình | 29 |
| Giá treo tường (Tùy chọn) | 30 |
| Sử dụng màn hình | 31 |
| Bật màn hình. | 31 |
| Sử dụng các nút điều khiển mặt trước. | 31 |
| Sử dụng menu màn hình ảo (OSD). | 34 |


| | |
|---|-----------|
| Khắc phục sự cố | 51 |
| Tự kiểm tra | 51 |
| Chẩn đoán tích hợp | 53 |
| Các sự cố thường gặp | 54 |
| Sự cố liên quan đến sản phẩm | 55 |
| Sự cố Liên quan Đến Buýt Nối tiếp Đa năng (USB) | 56 |
| Phụ lục | 57 |
| Hướng dẫn an toàn | 57 |
| Thông báo FCC (Chỉ áp dụng ở Mỹ) và Thông tin quy định khác | 57 |
| Liên hệ với Dell | 57 |
| Cài đặt màn hình. | 58 |
| Hướng dẫn bảo dưỡng | 60 |




Giới thiệu màn hình

Phụ kiện trọn gói

Màn hình của bạn được gửi kèm các phụ kiện như liệt kê dưới đây. Đảm bảo bạn đã nhận tất cả các phụ kiện và [liên hệ với Dell](#) nếu thiếu bất kỳ phụ kiện nào.

LƯU Ý: Một số phụ kiện có thể tùy chọn và không được gửi kèm màn hình của bạn. Một số tính năng hoặc phương tiện có thể không có sẵn ở một số quốc gia.

| | |
|---|---|
|  | Màn hình |
|  | Giá đỡ |
|  | Chân đế |
|  | Cáp điện (khác nhau ở mỗi quốc gia) |
|  | Cáp ngược dòng USB 3.0 (kích hoạt các cổng USB trên màn hình) |

| | |
|---|--|
|  | Cáp DP (Kết nối DP với mDP) |
|  | Cáp HDMI |
|  | <ul style="list-style-type: none"> • Đĩa driver và tài liệu • Sổ hướng dẫn cài đặt nhanh • Thông tin về An toàn, Môi trường và Quy định • Báo cáo hiệu chỉnh gốc |

Tính năng sản phẩm

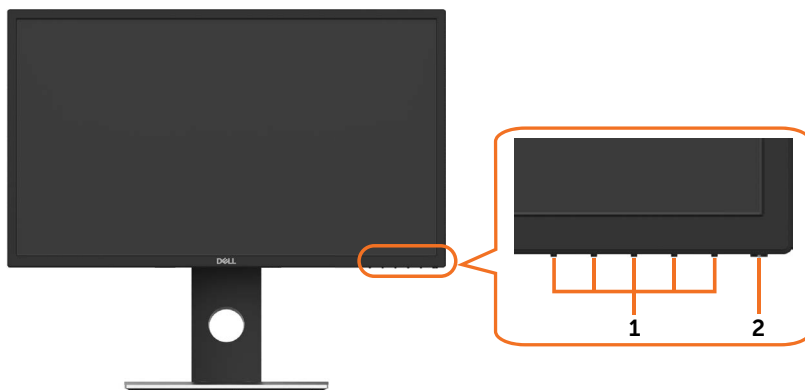
Màn hình **Dell UltraSharp UP2718Q** có một màn hình tinh thể lỏng (LCD) tranzito màng mỏng (TFT) ma trận hoạt động và đèn nền LED. Các tính năng của màn hình bao gồm:

- Hiện thị vùng xem 68,47 cm (27 inch) (đo theo đường chéo).
Độ phân giải 3840 x 2160 (Tỉ lệ khung hình 16:9) với khả năng hỗ trợ toàn màn hình cho độ phân giải thấp hơn.
- Có khả năng chỉnh nghiêng, xoay, quay và kéo dài thẳng.
- Giá đỡ rời và các lỗ lắp đặt 100mm theo Hiệp Hội Tiêu Chuẩn Điện Tử Video (VESA) cung cấp các giải pháp lắp đặt linh động.
- Kết nối kỹ thuật số mở rộng với DP, mDP, HDMI và USB 3.0 giúp màn hình không bị lỗi thời.
- Hỗ trợ các chuẩn không gian màu chủ đạo cho Adobe RGB, sRGB, REC2020, REC709 và DCI-P3.
- Tính năng Cắm Là Chạy (Plug and play) nếu được hỗ trợ bởi hệ thống của bạn.
- Các điều chỉnh menu màn hình ảo (OSD) cho phép dễ dàng thiết lập và tối ưu hóa màn hình.
- Đĩa phần mềm và tài liệu hướng dẫn chứa một file thông tin (INF), File tương thích màu sắc hình ảnh (ICM), ứng dụng phần mềm Dell Display Manager (Quản lý màn hình Dell) và tài liệu về sản phẩm.
- Khe khóa an toàn.
- Hỗ trợ khả năng quản lý tài sản.
- Thủy tinh không chứa asen và màn hình không chứa thủy ngân.
- Phần mềm Energy Gauge hiển thị mức điện năng mà màn hình đang tiêu thụ trong thời gian thực.
- Nguồn điện chờ 0,3 W khi ở chế độ chờ.
- Tuân thủ theo dấu chứng nhận ULTRA HD PREMIUM™. (Logo ULTRA HD PREMIUM™ là một thương hiệu của UHD Alliance, Inc.)
- Mang đến cảm giác dễ chịu tối đa cho mắt với màn hình không nhấp nháy.

LƯU Ý: Màn hình phát xạ ánh sáng xanh có thể gây ra tác động lâu dài làm tổn hại mắt, bao gồm hiện tượng mỏi mắt và căng mắt kỹ thuật số. Tính năng ComfortView được thiết kế để giảm lượng ánh sáng xanh phát ra từ màn hình, giúp mang lại cảm giác dễ chịu tối đa cho mắt người dùng.

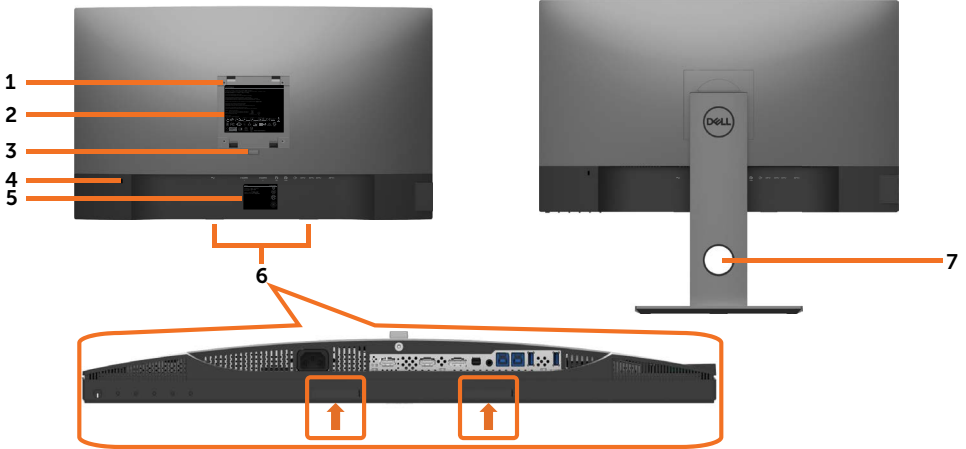
Nhận biết các bộ phận và nút điều khiển

Mặt trước



| Nhãn | Mô tả |
|------|---|
| 1 | Nút chức năng (Để biết thêm thông tin, xem Sử dụng màn hình) |
| 2 | Nút bật/tắt nguồn (kèm đèn báo LED) |

Mặt sau




| Nhãn | Mô tả | Sử dụng |
|------|--|---|
| 1 | Các lỗ lắp đặt theo chuẩn VESA (100 mm x 100 mm - nằm sau nắp đậy VESA đã lắp) | Lắp màn hình lên tường bằng bộ giá treo tường tương thích chuẩn VESA- (100 mm x 100 mm). |
| 2 | Nhãn quy định | Liệt kê các thông số chấp nhận theo quy định. |
| 3 | Nút nhả giá đỡ | Nhả giá đỡ ra khỏi màn hình. |
| 4 | Khe khóa an toàn | Giữ chặt màn hình bằng khóa an toàn(bán riêng). |
| 5 | Mã vạch, số seri và nhãn Thẻ Dịch vụ | Tham khảo nhãn này nếu bạn cần liên hệ với Dell để được hỗ trợ kỹ thuật. |
| 6 | Khe cắm hệ thống loa Dell | Lắp đặt hệ thống loa Dell tùy chọn. LƯU Ý: Hãy tháo dải nhựa bao phủ các khe lắp trước khi lắp Thanh Âm Thanh của Dell. Dàn âm thanh Dell được bán riêng. |
| 7 | Khe quản lý cáp | Dùng để sắp xếp các loại cáp bằng cách đặt chúng xuyên qua khe này. |

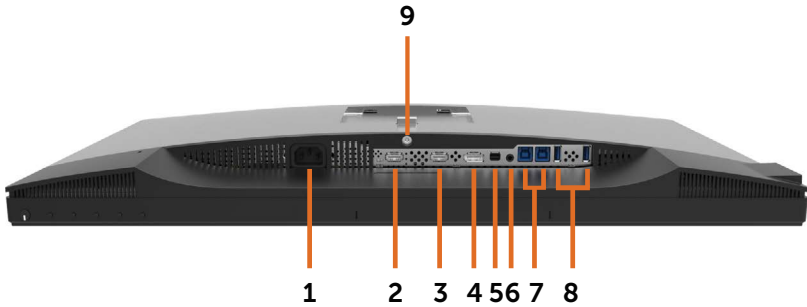
Mặt bên cạnh




Cổng xuôi dòng USB

Cổng có biểu tượng pin  hỗ trợ BC 1.2.

Mặt dưới




| Nhãn | Mô tả | Sử dụng |
|------|----------------------|--|
| 1 | Đầu cắm nguồn AC | Để cắm cấp nguồn màn hình. |
| 2 | Cổng HDMI1 | Kết nối máy tính bằng cáp HDMI. |
| 3 | Cổng HDMI2 | |
| 4 | Đầu cắm DP (vào) | Kết nối máy tính bằng cáp DP. |
| 5 | Đầu cắm mDP (vào) | Kết nối máy tính bằng cáp nối DP với mDP. |
| 6 | Cổng đầu ra âm thanh | Kết nối loa với âm thanh phát lại qua các kênh âm thanh HDMI hoặc DisplayPort. Chỉ hỗ trợ âm thanh 2 kênh. LƯU Ý: Cổng đầu ra âm thanh không hỗ trợ tai nghe. ⚠ CẢNH BÁO: Áp suất âm thanh quá mức từ các ống nghe hoặc tai nghe có thể làm giảm hoặc mất thính giác. |
| 7 | Cổng ngược dòng USB | Cắm cáp USB kèm theo màn hình vào máy tính. Một khi đã cắm cáp này, bạn có thể sử dụng cổng cắm xuôi dòng USB trên màn hình. |

| | | |
|---|--------------------|--|
| 8 | Cổng xuôi dòng USB | Kết nối các thiết bị USB. Bạn chỉ có thể sử dụng các cổng cắm này sau khi đã cắm cáp USB vào máy tính và cổng cắm ngược dòng USB trên màn hình. Cổng có biểu tượng pin  hỗ trợ BC 1.2. |
| 9 | Khóa giá đỡ | Khóa giá đỡ chặt vào màn hình bằng vít M3 x 6 mm (không bán kèm màn hình). |

Thông số kỹ thuật màn hình

| | |
|----------------------------------|--|
| Loại màn hình | Màn hình LCD TFT ma trận chủ động |
| Loại bảng điều khiển | Công nghệ chuyển đổi trong mặt phẳng |
| Khuôn Dạng | 16:9 |
| Kích thước hình có thể xem | |
| Chéo | 68,47 cm (27 inch) |
| Vùng hoạt động | |
| Ngang | 596,74 mm (23,49 inch) |
| Dọc | 335,66 mm (13,21 inch) |
| Vùng | 200301,7 mm ² (310,47 inch ²) |
| Khoảng cách giữa các điểm ảnh | 0,1554 mm x 0,1554 mm |
| Điểm Ảnh Mỗi Inch (PPI) | 163 |
| Góc xem | |
| Dọc | 178° (chuẩn) |
| Ngang | 178° (chuẩn) |
| Độ sáng | 400 cd/m ² (chuẩn) 1000 cd/m ² (đỉnh) |
| Tỷ lệ tương phản | 1000:1 (chuẩn) 20000:1 (đỉnh) |
| Bọc Màn Hình Hiển Thị | Xử lý chống lóa cho lớp vỏ cứng bộ phận cực phía trước (3H) |
| Đèn nền | Hệ thống LED trắng, kiểu trực tiếp |
| Thời gian đáp ứng (Xám sang Xám) | 6 ms (chế độ nhanh) 8 ms (Chế độ THƯỜNG) |
| Độ sâu màu | 1,07 tỷ màu |
| Gam màu* | 100% Adobe RGB 100% sRGB 97,7% DCI-P3 76,9% REC2020 |
| Độ chính xác hiệu chỉnh | Delta E < 2 (trung bình) |

| | |
|---|---|
| Khả năng kết nối | <ul style="list-style-type: none"> • 1 cổng DP 1,4 (HDCP 1,4/2,2) • 1 cổng mDP 1.4 (HDCP 1,4/2,2) • 2 cổng HDMI 2,0a (HDCP 1,4/2,2) • 2 cổng USB 3.0 xuôi dòng • 2 cổng USB 3.0 tích hợp tính năng sạc BC1.2 ở mức 2A (tối đa) • 2 cổng USB 3.0 lên dòng • 1 đầu ra âm thanh analog (giắc cắm 3.5mm) |
| Độ rộng viền (từ mép màn hình đến vùng hoạt động) | 13,79 mm (Đỉnh/Trái/Phải) 17,59 mm (Đáy) |
| Khả năng điều chỉnh | |
| Giá đỡ có thể điều chỉnh độ cao | 145 mm |
| Nghiêng | -5° - 21° |
| Xoay | -45° - 45° |
| Trục | 0° - 90° |
| Quản lý cáp | có |
| Tương thích phần mềm quản lý màn hình Dell (DDM) | Bố trí dễ dàng và các tính năng chính khác |
| Độ an toàn | Khe khóa an toàn (khóa cáp được bán riêng) Khe khóa giá đỡ chống trộm (nối với tấm nền) |

 **LƯU Ý *** : chỉ với tấm nền gốc ở Chế độ tùy chỉnh cài sẵn.

Thông số kỹ thuật độ phân giải

| | |
|---|-------------------------------------|
| Dải quét ngang | 30 kHz - 140 kHz (DP/HDMI) |
| Dải quét dọc | 24 Hz - 75 Hz (DP/HDMI) |
| Độ phân giải cài sẵn tối đa | 3840 x 2160 ở tần số 60 Hz |
| Tính năng hiển thị video (Phát lại qua DP & HDMI) | 480p, 576p, 720p, 1080i, 1080p, UHD |


Chế độ hiển thị cài sẵn

| Chế độ hiển thị | Tần số ngang (kHz) | Tần số dọc (Hz) | Đồng hồ điểm ảnh (MHz) | Cực đồng bộ (Ngang/Dọc) |
|---------------------|--------------------|-----------------|------------------------|-------------------------|
| 720 x 400 | 31,5 | 70,0 | 28,3 | -/+ |
| VESA, 640 x 480 | 31,5 | 60,0 | 25,2 | -/- |
| VESA, 640 x 480 | 37,5 | 75,0 | 31,5 | -/- |
| VESA, 800 x 600 | 37,9 | 60,0 | 40,0 | +/+ |
| VESA, 800 x 600 | 46,9 | 75,0 | 49,5 | +/+ |
| VESA, 1024 x 768 | 48,4 | 60,0 | 65,0 | -/- |
| VESA, 1024 x 768 | 60,0 | 75,0 | 78,8 | +/+ |
| VESA, 1280 x 1024 | 64,0 | 60,0 | 108,0 | +/+ |
| VESA, 1280 x 1024 | 80,0 | 75,0 | 135,0 | +/+ |
| VESA, 1600 x 1200 | 75,0 | 60,0 | 162,0 | +/+ |
| VESA, 1920 x 1080 | 67,5 | 60,0 | 148,5 | +/+ |
| VESA, 2560 x 1440-R | 88,787 | 59,95 | 241,5 | +/- |
| VESA, 3840 x 2160 | 65,68 | 30,0 | 262,75 | +/- |
| VESA, 3840 x 2160 | 133,313 | 60,0 | 533,25 | +/+ |
| VESA, 2840 x 2160 | 135,0 | 60,0 | 594,0 | +/+ |

Thông số kỹ thuật điện

| | |
|----------------------------------|--|
| Tín hiệu đầu vào video | <ul style="list-style-type: none">Tín hiệu video số cho từng dòng khác biệt.Trên mỗi dòng khác biệt với trở kháng 100 ohm.Hỗ trợ đầu vào tín hiệu DP/HDMI. |
| Điện áp/tần số/dòng điện đầu vào | 100-240 VAC / 50 hoặc 60 Hz \pm 3 Hz / 1,8 A (tối đa) |
| Dòng điện khởi động | 120 V: 30 A (Tối đa) 240 V: 60 A (Tối đa) |

Đặc tính vật lý

| | |
|--|--|
| Loại đầu cắm | <ul style="list-style-type: none"> • Đầu cắm DP • Đầu cắm mDP • Cổng HDMI (x 2 cổng) • Đầu ra âm thanh • Cổng cắm USB 3.0 (Cổng có biểu tượng ánh sáng  dùng cho BC 1.2) |
| Loại cáp tín hiệu (theo thùng đựng) | Cáp nối DP với mDP 1,8 M Cáp HDMI 1,8 M Cáp USB 3,0 1,8 M |
| Kích thước (có giá đỡ) | |
| Chiều cao (kéo dài) | 547,1 mm (21,54 inch) |
| Chiều cao (thu ngắn) | 402,6 mm (15,85 inch) |
| Chiều rộng | 626,4 mm (24,66 inch) |
| Độ dày | 200,3 mm (7,89 inch) |
| Kích thước (không có giá đỡ) | |
| Chiều cao | 369,1 mm (14,53 inch) |
| Chiều rộng | 626,4 mm (24,66 inch) |
| Độ dày | 64,4 mm (2,54 inch) |
| Kích thước giá đỡ | |
| Chiều cao (kéo dài) | 433,4 mm (17,06 inch) |
| Chiều cao (thu ngắn) | 387,0 mm (15,24 inch) |
| Chiều rộng | 292,4 mm (11,51 inch) |
| Độ dày | 200,3 mm (7,89 inch) |
| Trọng lượng | |
| Kèm thùng đựng | 11,55 kg (25,46 pound) |
| Kèm bộ phận giá đỡ và các loại cáp | 8,40 kg (18,52 pound) |
| Không kèm bộ phận giá đỡ (xem xét giá đỡ treo tường hoặc giá đỡ VESA - không có cáp) | 5,98 kg (13,18 pound) |
| Bộ phận giá đỡ | 2,02 kg (4,45 pound) |
| Độ bóng khung trước | 4 - 7 GU |

Đặc tính môi trường

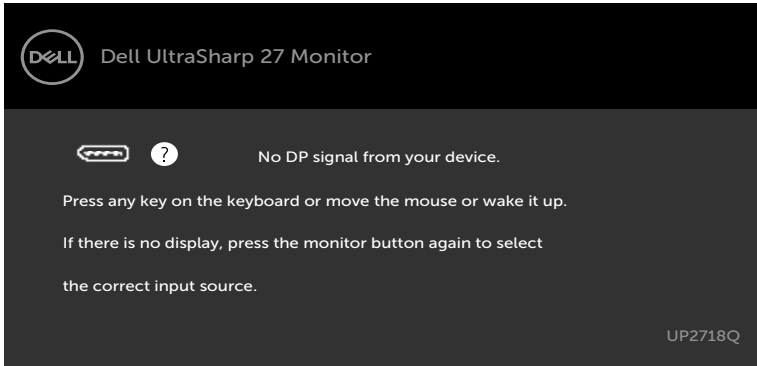
| | |
|---|---|
| Tiêu chuẩn phù hợp | |
| Tuân thủ RoHS | có |
| Màn hình không dùng BFR/ PVC (ngoại trừ cáp dùng ngoài) | có |
| Nhiệt độ | |
| Hoạt động | 0°C - 35°C (32°F - 95°F) |
| Không hoạt động | -20°C - 60°C (-4°F - 140°F) |
| Độ ẩm | |
| Hoạt động | 10% - 80% (không ngưng tụ) |
| Không hoạt động | 5% - 90% (không ngưng tụ) |
| Độ cao | |
| Hoạt động | 5,000 m (16,404 foot) (tối đa) |
| Không hoạt động | 12,192 m (40,000 foot) (tối đa) |
| Công suất tản nhiệt | 412 đơn vị nhiệt Anh (BTU)/giờ (tối đa) 309 đơn vị nhiệt Anh (BTU)/giờ (quy chuẩn) |

Chế độ quản lý nguồn

Nếu bạn đã cài đặt card video hay phần mềm tương thích chuẩn DPM của VESA vào PC, màn hình có thể tự động giảm mức tiêu thụ điện khi không sử dụng. Chức năng này gọi là Chế Độ Tiết Kiệm Điện*. Nếu máy tính phát hiện đầu vào từ bàn phím, chuột hoặc các thiết bị đầu vào khác, màn hình sẽ tự hoạt động trở lại. Bảng sau đây cho biết mức tiêu thụ điện và cách truyền tín hiệu của tính năng tiết kiệm điện tự động này.

| Chế độ VESA | Đồng bộ ngang | Đồng bộ dọc | Video | Đèn báo nguồn | Mức tiêu thụ điện |
|-----------------------|-----------------|-----------------|-----------|--------------------|----------------------------------|
| Hoạt động bình thường | Hoạt động | Hoạt động | Hoạt động | Trắng | 120 W (tối đa)** 90 W (chuẩn) |
| Chế độ tắt hoạt động | Không hoạt động | Không hoạt động | Tắt | Trắng (Sáng đỏ) | Dưới 0,3 W |
| Tắt | - | - | - | Tắt | Dưới 0,3 W |

Menu OSD chỉ hoạt động ở chế độ hoạt động bình thường. Nếu bạn nhấn bất kỳ nút nào ở chế độ tắt hoạt động, một thông báo sau đây sẽ hiển thị:



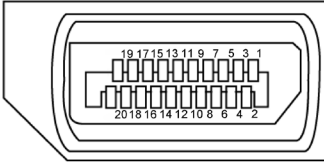
* Chỉ có thể đạt mức tiêu thụ điện bằng 0 ở chế độ OFF (TẮT) khi rút adapter nguồn ra khỏi màn hình.

**Mức tiêu thụ điện tối đa với độ sáng tối đa.

Kích hoạt máy tính và màn hình để truy cập menu OSD.

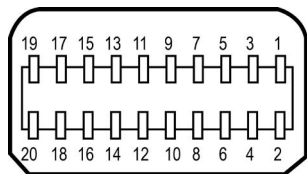
Cách gán châu cắm

Đầu cắm DP (vào)



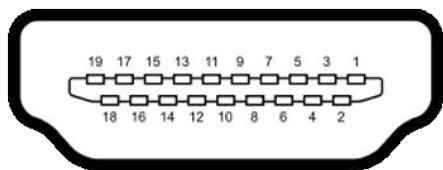
| Số châu cắm | Mặt 20 châu của cáp tín hiệu vừa kết nối |
|-------------|--|
| 1 | ML3(n) |
| 2 | GND |
| 3 | ML3(p) |
| 4 | ML2(n) |
| 5 | GND |
| 6 | ML2(p) |
| 7 | ML1(u) |
| 8 | GND |
| 9 | ML1(p) |
| 10 | ML0(n) |
| 11 | GND |
| 12 | ML0(p) |
| 13 | Cấu hình 1 |
| 14 | Cấu hình 2 |
| 15 | Kênh AUX (p) |
| 16 | GND |
| 17 | Kênh AUX (n) |
| 18 | Phát hiện cắm nóng |
| 19 | GND |
| 20 | +3.3V DP_PWR |

Đầu cắm mDP



| Số chấu cắm | Mặt 20 chấu của cáp tín hiệu vừa kết nối |
|-------------|--|
| 1 | GND |
| 2 | Phát hiện cắm nóng |
| 3 | ML3(n) |
| 4 | Cấu hình 1 |
| 5 | ML3(p) |
| 6 | Cấu hình 2 |
| 7 | GND |
| 8 | GND |
| 9 | ML2(n) |
| 10 | ML0(n) |
| 11 | ML2(p) |
| 12 | ML0(p) |
| 13 | GND |
| 14 | GND |
| 15 | ML1(n) |
| 16 | AUX (p) |
| 17 | ML1(p) |
| 18 | AUX (n) |
| 19 | GND |
| 20 | +3.3V DP_PWR |


Đầu cắm HDMI




| Số chấu cắm | Mặt 19 chấu của cáp tín hiệu vừa kết nối |
|-------------|--|
| 1 | DỮ LIỆU TMDS 2+ |
| 2 | MÀNG CHẮN DỮ LIỆU TMDS 2 |
| 3 | DỮ LIỆU TMDS 2- |
| 4 | DỮ LIỆU TMDS 1+ |
| 5 | MÀNG CHẮN DỮ LIỆU TMDS 1 |
| 6 | DỮ LIỆU TMDS 1- |
| 7 | DỮ LIỆU TMDS 0+ |
| 8 | MÀNG CHẮN DỮ LIỆU TMDS 0 |
| 9 | DỮ LIỆU TMDS 0- |
| 10 | ĐỒNG HỒ TMDS+ |
| 11 | MÀNG CHẮN ĐỒNG HỒ TMDS |
| 12 | ĐỒNG HỒ TMDS- |
| 13 | CEC |
| 14 | Dành riêng (N.C. trên thiết bị) |
| 15 | ĐỒNG HỒ DDC (SCL) |
| 16 | DỮ LIỆU DDC (SDA) |
| 17 | Tiếp đất DDC/CEC |
| 18 | NGUỒN +5 V |
| 19 | PHÁT HIỆN CẢM NÓNG |

Buýt nối tiếp đa năng (USB)

Phần này cung cấp cho bạn thông tin về các cổng USB có sẵn trên màn hình.

LƯU Ý: 2 A trên cổng xuôi dòng USB (cổng có biểu tượng pin ) với các thiết bị tương thích BC 1.2; lên đến 0,9 A trên các cổng xuôi dòng 2 USB còn lại.

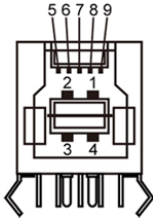
- 2 cổng ngược dòng - ở mặt dưới
- 4 cổng xuôi dòng - 2 màn hình ở bên trái, 2 ở mặt dưới

Cổng sạc pin - cổng có biểu tượng pin  hỗ trợ khả năng sạc pin nhanh nếu thiết bị tương thích chuẩn BC 1.2.

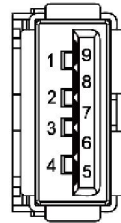
LƯU Ý: Cổng USB của màn hình chỉ hoạt động khi màn hình đang bật hoặc ở chế độ tiết kiệm điện. Nếu bạn tắt màn hình rồi bật lại, có thể mất vài giây để các thiết bị ngoại vi đã kết nối tiếp tục hoạt động bình thường.

| Tốc độ truyền | Tốc độ dữ liệu | Mức tiêu thụ điện |
|---------------|----------------|-------------------------|
| Siêu tốc | 5 Gb/giây | 4,5 W mỗi cổng (tối đa) |
| Tốc độ cao | 480 Mb/giây | 2,5 W mỗi cổng (tối đa) |
| Tốc độ tối đa | 12 Mb/giây | 2,5 W mỗi cổng (tối đa) |

Cổng ngược dòng USB



Cổng xuôi dòng USB



| Số chấu cắm | Tên tín hiệu |
|-------------|--------------|
| 1 | VBUS |
| 2 | D- |
| 3 | D+ |
| 4 | GND |
| 5 | StdB_SSTX- |
| 6 | StdB_SSTX+ |
| 7 | GND_DRAIN |
| 8 | StdB_SSRX- |
| 9 | StdB_SSRX+ |
| Shell | Shield |

| Số chấu cắm | Tên tín hiệu |
|-------------|--------------|
| 1 | VBUS |
| 2 | D- |
| 3 | D+ |
| 4 | GND |
| 5 | StdA_SSRX- |
| 6 | StdA_SSRX+ |
| 7 | GND_DRAIN |
| 8 | StdA_SSTX- |
| 9 | StdA_SSTX+ |
| Shell | Shield |

Cắm Vào Là Chạy

Bạn có thể lắp đặt màn hình ở bất kỳ hệ thống nào tương thích chuẩn Plug-and-Play (Cắm Vào Là Chạy). Màn hình sẽ tự động cung cấp cho hệ thống máy tính Dữ Liệu Nhận Dạng Màn Hình Mở Rộng (EDID) liên quan qua các giao thức Kênh Hiển Thị Dữ Liệu (DDC) để máy tính có thể tự định cấu hình và tối ưu hóa các cài đặt màn hình. Phần lớn các cài đặt màn hình đều là tự động; bạn có thể chọn các cài đặt khác nếu muốn. Để biết thêm thông tin về cách đổi cài đặt màn hình, xem [Sử dụng màn hình](#).




Chính sách chất lượng và điểm ảnh màn hình LCD

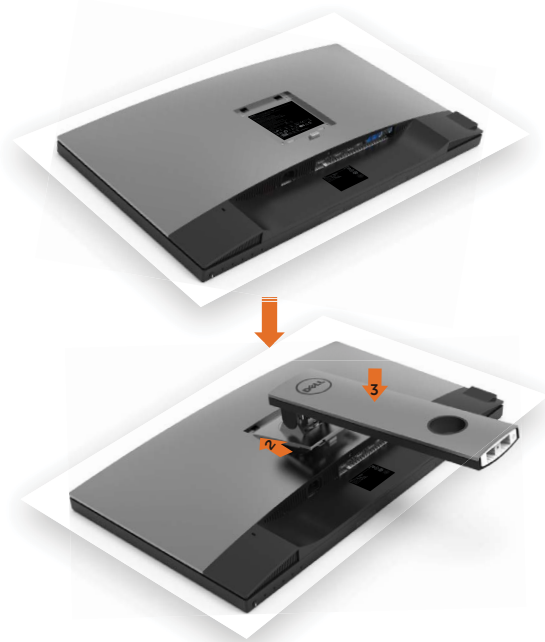
Trong quá trình sản xuất màn hình LCD, không hiếm khi gặp tình trạng một hoặc nhiều điểm ảnh trở nên cố định ở một trạng thái không thay đổi vốn rất khó nhận biết và không ảnh hưởng đến chất lượng hiển thị hoặc khả năng sử dụng màn hình. Để biết thêm thông tin về Chính Sách Điểm Ảnh Màn Hình LCD, vào trang Hỗ trợ của Dell tại:

<http://www.dell.com/support/monitors>.

Lắp đặt màn hình

Lắp giá đỡ

-  **LƯU Ý:** Giá đỡ và đế giữ được tháo ra khi vận chuyển màn hình từ nhà máy.
-  **LƯU Ý:** Quy trình dưới đây áp dụng cho giá đỡ mặc định. Nếu bạn đã mua bất kỳ giá đỡ nào khác, hãy tham khảo tài liệu kèm theo giá đỡ đó để biết cách lắp đặt.
-  **CHÚ Ý:** Đặt màn hình trên bề mặt phẳng, sạch và mềm để tránh trầy xước màn hình.



Để lắp giá đỡ màn hình:

- 1 Tháo nắp lớp màn hình ra và đặt úp màn hình xuống.
- 2 Chèn hai miếng gắn ở phần trên giá đỡ vào rãnh phía sau màn hình.
- 3 Ấn giá đỡ xuống cho đến khi khớp vào vị trí.



- Giữ để giá đỡ với dấu hình tam giác ▲ quay ngược lên.



- Chỉnh các khối nhô ra khỏi đế giá đỡ thẳng với khe nối trên giá đỡ.
- Cho các khối của đế giá đỡ vào khe giá đỡ hoàn toàn.



- Nâng cán vít lên và xoay vít theo chiều kim đồng hồ.
- Sau khi siết chặt vít hoàn toàn, gấp phẳng phần cán vít vào trong chỗ thụt vào.

Sử dụng chức năng Nghiêng, Xoay và Kéo dài thẳng

LƯU Ý: Tùy chọn này chỉ áp dụng cho màn hình có kèm giá đỡ. Nếu bạn đã mua bất kỳ giá đỡ nào khác, hãy tham khảo sổ hướng dẫn lắp đặt giá đỡ tương ứng để biết hướng dẫn lắp đặt.

Nghiêng, Xoay, Kéo dài thẳng

Khi lắp giá đỡ vào màn hình, bạn có thể đặt màn hình nghiêng ở góc xem thuận lợi nhất.





LƯU Ý: Giá đỡ được tháo ra khi vận chuyển màn hình từ nhà máy.

Xoay màn hình

Trước khi bạn xoay màn hình, màn hình phải được kéo dài hoàn toàn theo hướng thẳng và đặt nghiêng lên hoàn toàn để tránh chạm mép dưới màn hình.




 **LƯU Ý:** Để sử dụng chức năng Display Rotation (Xoay màn hình) (Xem Ngang so với Đọc) với máy tính Dell, bạn cần có driver đồ họa đã cập nhật vốn không kèm theo màn hình này. Tải về driver đồ họa, truy cập www.dell.com/support và xem mục Download (Tải về) dành cho Driver video để có các cập nhật driver mới nhất.

 **LƯU Ý:** Khi ở Portrait View Mode (Chế độ xem dọc), bạn có thể gặp phải tình trạng giảm hiệu suất trong các ứng dụng dùng nhiều đồ họa (như chơi game 3D và văn bản).


Điều chỉnh Cài đặt Màn hình Xoay cho Hệ thống của bạn

Sau khi xoay màn hình, bạn cần hoàn tất quy trình dưới đây để điều chỉnh Cài đặt Màn hình Xoay cho Hệ thống.

 **LƯU Ý:** Nếu đang sử dụng màn hình với máy tính không phải của Dell, bạn cần truy cập trang web driver đồ họa hoặc trang web nhà sản xuất máy tính để biết thông tin về cách xoay 'các nội dung' trên màn hình.

Để điều chỉnh Cài đặt Màn hình Xoay:

- 1 Nhấp phải lên màn hình nền và nhấp Properties (Thuộc tính).
- 2 Chọn thẻ Settings (Cài đặt) và nhấp Advanced (Nâng cao).
- 3 Nếu bạn có card đồ họa AMD, chọn thẻ Rotation (Xoay) và cài hướng xoay mong muốn.
- 4 Nếu bạn có card đồ họa nVidia, nhấp thẻ nVidia, chọn NVRotate ở cột tay trái và sau đó chọn hướng xoay mong muốn.
- 5 Nếu bạn có card đồ họa Intel®, chọn thẻ Intel graphics (Đồ họa Intel), nhấp Graphic Properties (Thuộc tính đồ họa), chọn thẻ Rotation (Xoay) và sau đó cài hướng xoay mong muốn.


 **LƯU Ý:** Nếu bạn không nhìn thấy tùy chọn xoay hoặc nó đang hoạt động không thích hợp, hãy truy cập www.dell.com/support và tải về driver mới nhất cho card đồ họa của bạn.

Kết nối màn hình

 **CẢNH BÁO:** Trước khi bắt đầu bất cứ quy trình nào ở phần này, hãy tuân thủ [Hướng dẫn an toàn](#).

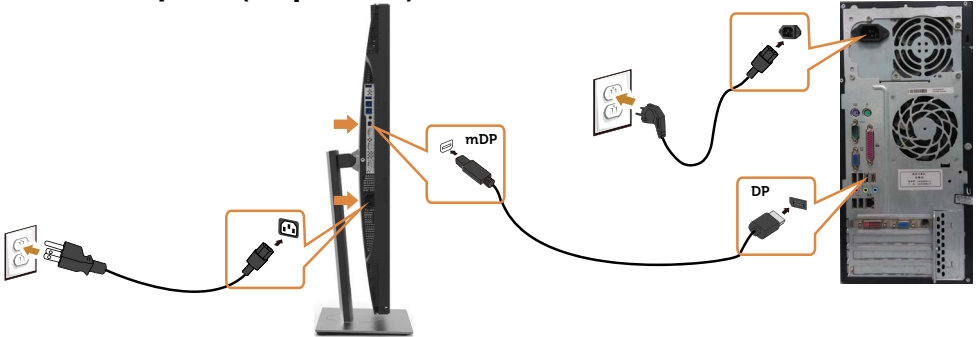
Để kết nối màn hình với máy vi tính:

- 1 Tắt máy tính.
- 2 Cắm cáp DP-mDP/HDMI/USB từ màn hình vào máy tính. (Kéo dài theo chiều dọc và nghiêng màn hình hoàn toàn và xoay để nối cáp. Xem [Xoay Màn hình](#).)
- 3 Bật màn hình.
- 4 Chọn nguồn đầu vào thích hợp trong Menu OSD của màn hình trên máy tính.

 **LƯU Ý:** Cài đặt mặc định của **UP2718Q** là DP 1.4. Card đồ họa DP 1.1 có thể không hiển thị bình thường. Vui lòng tham khảo "[Sự cố sản phẩm cụ thể – Không có ảnh khi sử dụng kết nối DP để kết nối với PC](#)" để đổi cài đặt mặc định.

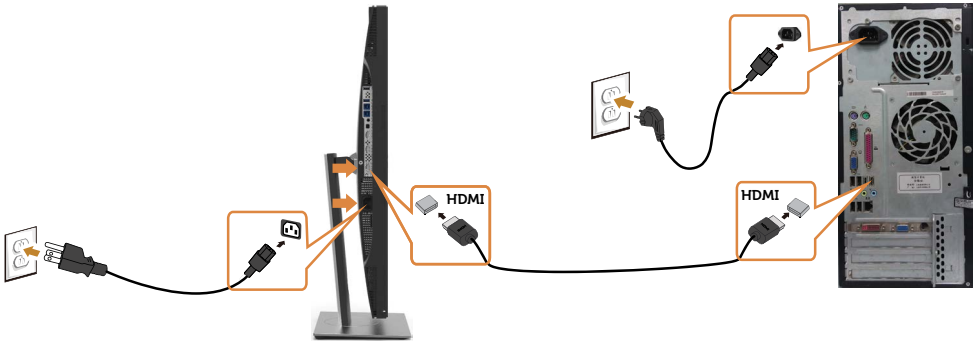
Kết nối màn hình đơn

Kết nối cáp DP (hoặc mDP)



LƯU Ý: Cổng DP là mặc định. Hãy chọn nguồn đầu vào trên màn hình để chuyển sang cổng mDP.

Kết nối cáp HDMI



Kết nối cáp USB 3.0

Sau khi bạn đã hoàn tất kết nối các cáp DP-mDP, thực hiện theo quy trình dưới đây để cắm cáp USB 3.0 vào máy tính và hoàn tất việc lắp đặt màn hình:

1 a, Kết nối một máy tính

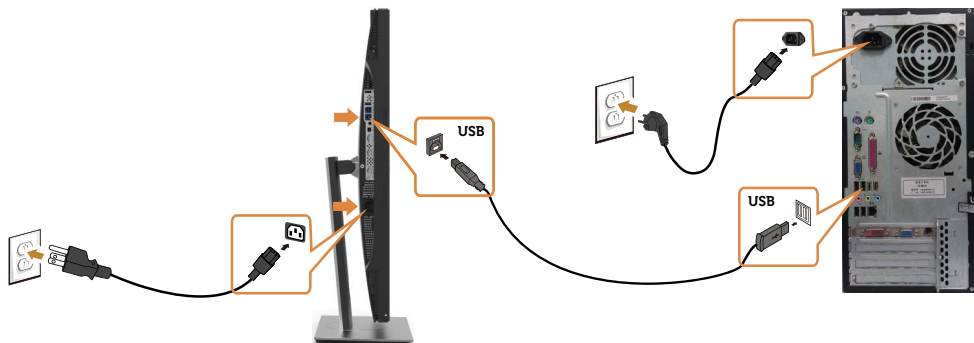
Cắm cổng USB 3.0 ngược dòng (có cáp kèm theo) vào cổng USB 3.0 trên máy tính.

b, Kết nối hai máy tính

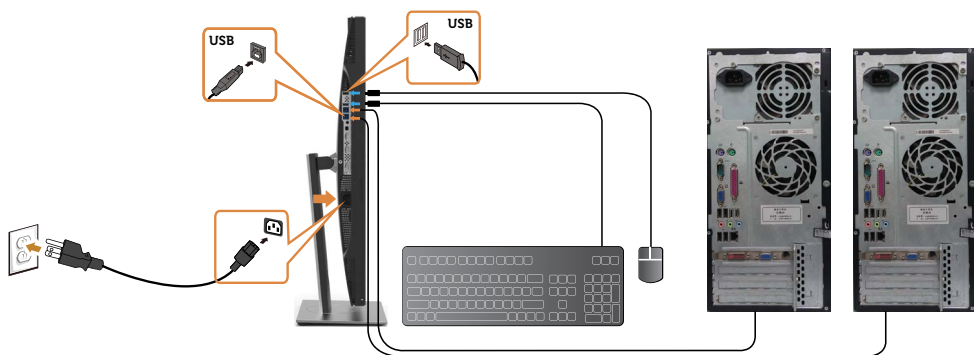
Kết nối cổng USB 3.0 ngược tuyến với cổng USB 3.0 phù hợp trên hai máy tính. Sau đó sử dụng menu OSD để chọn giữa hai nguồn USB ngược tuyến và nguồn đầu vào. Xem [Công tắc Chọn USB](#).

LƯU Ý: Khi kết nối hai máy tính với màn hình, cổng hướng xuôi USB của màn hình cho bàn phím và chuột có thể được chỉ định cho các tín hiệu đầu vào khác nhau từ hai máy tính bằng cách thay đổi cài đặt Lựa chọn USB từ menu OSD. Xem [Lựa chọn USB](#) để biết thông tin chi tiết)

- 2 Kết nối các thiết bị ngoại vi USB 3.0 với các cổng USB 3.0 xuôi dòng trên màn hình.
- 3 Cắm cáp nguồn của máy tính và màn hình vào ổ cắm điện gần đó.



a. Kết nối một máy tính



b. Kết nối hai máy tính

4. Bật màn hình và máy tính.

Nếu màn hình của bạn hiển thị một hình ảnh thì quy trình lắp đặt đã hoàn tất. Nếu màn hình không hiển thị một hình ảnh, xem [Khắc phục sự cố](#).

Yêu cầu cần có để xem hoặc phát lại nội dung HDR

(1) thông qua đầu đọc đĩa DVD Ultra Bluray hoặc máy chơi game

Đảm bảo đầu đọc đĩa DVD Ultra Bluray hoặc máy chơi game có tương thích HDR, ví dụ như Panasonic DMP-UB900, x-Box One S, PS4 Pro. Tải về và cài đặt trình điều khiển các đồ họa thích hợp, xem bên dưới.

(2) thông qua PC

Đảm bảo các đồ họa được sử dụng có tương thích HDR, nghĩa là có tuân thủ chuẩn HDMI2.0a hoặc DP1.4 (có lựa chọn HDR) và đã cài đặt trình điều khiển đồ họa HDR. Phải sử dụng ứng dụng trình phát có tương thích HDR, như yberlink PowerDVD 17, Windows 10 Movies và Ứng dụng TV. Ví dụ máy tính Dell XPS8910, Alienware Aurora R5 đi kèm với các card đồ họa bên dưới đây.

Trình điều khiển đồ họa Dell có hỗ trợ HDR: Truy cập trang Hỗ trợ của Dell để tải về trình điều khiển đồ họa mới nhất có tương thích HDR dành cho PC/notebook của bạn.

Nvidia

Cạc đồ họa Nvidia có tương thích HDR: GTX1070, GTX1080, P5000, P6000, v.v. Để xem toàn bộ các mẫu cạc đồ họa có tương thích HDR của Nvidia, vui lòng truy cập trang web của Nvidia tại địa chỉ www.nvidia.com
Trình điều khiển hỗ trợ chế độ Trình phát toàn màn hình (ví dụ như trò chơi trên PC, đầu đọc UltraBluRay), trình điều khiển tương thích HDR trên hệ điều hành Win10 Redstone 2: phiên bản 381.65 hoặc mới hơn.

AMD

Cạc đồ họa AMD tương thích HDR: RX480, RX470, RX460, WX7100, WX5100, WX4100, v.v. Để xem toàn bộ các mẫu cạc đồ họa có tương thích HDR của AMD, vui lòng truy cập trang web www.nvidia.com Kiểm tra thông tin hỗ trợ của trình điều khiển tương thích HDR và tải về phiên bản mới nhất từ trang web www.amd.com .

Intel (Đồ họa Tích hợp)

Hệ thống tích hợp tương thích HDR: CannonLake hoặc mới hơn.

Trình phát có tương thích HDR thích hợp: Windows 10 Movies và Ứng dụng TV

Hệ điều hành có hỗ trợ HDR: Windows 10 Redstone 3

Trình điều khiển có hỗ trợ HDR: truy cập downloadcenter www.intel.com để tải về phiên bản trình điều khiển tương thích HDR mới nhất



LƯU Ý: Trình phát nội dung HDR thông qua hệ điều hành (ví dụ trình phát nội dung HDR trong một cửa sổ trong máy tính để bàn) đòi hỏi phiên bản hệ điều hành Win 10 Redstone 2 hoặc mới hơn có cài đặt ứng dụng trình phát thích hợp, ví dụ như PowerDVD17. Nội dung trình phát được bảo vệ sẽ đòi hỏi phần mềm và/hoặc phần cứng Quản lý quyền kỹ thuật số (DRM) thích hợp, như Microsoft Playready(TM). Vui lòng truy cập trang web của Microsoft để có được các thông tin hỗ trợ về HDR.

Bố trí cáp



Sau khi kết nối tất cả các loại cáp cần thiết với màn hình và máy tính, (xem [Kết nối màn hình](#) cho phụ kiện cáp), hãy sắp xếp tất cả loại cáp như trình bày ở trên.

Tháo giá đỡ màn hình



CHÚ Ý: Để tránh màn hình LCD bị trầy xước khi tháo giá đỡ, đảm bảo đặt màn hình trên bề mặt mềm và sạch.



LƯU Ý: Quy trình dưới đây áp dụng cho giá đỡ mặc định. Nếu bạn đã mua bất kỳ giá đỡ nào khác, hãy tham khảo tài liệu kèm theo giá đỡ đó để biết cách lắp đặt.

Để tháo giá đỡ:

- 1 Đặt màn hình lên miếng vải mềm hoặc nệm lót.
- 2 Ấn và giữ nút nhả giá đỡ.
- 3 Nhấc giá đỡ lên và rút khỏi màn hình.



Giá treo tường (Tùy chọn)



LƯU Ý: Sử dụng vít M4 x 10 mm để lắp màn hình vào bộ giá treo tường.


Tham khảo các hướng dẫn kèm theo bộ giá treo tường tương thích chuẩn VESA.

- 1 Đặt màn hình lên miếng vải mềm hoặc nệm lót trên mặt bàn vững chắc và bằng phẳng.
- 2 Tháo giá đỡ.
- 3 Dùng tua vít đầu chữ thập Phillips để tháo bốn vít siết chặt nắp nhựa.
- 4 Lắp giá treo từ bộ giá treo tường vào màn hình.
- 5 Gắn màn hình lên tường bằng cách thực hiện các hướng dẫn kèm theo bộ giá treo tường.

LƯU Ý: Chỉ để sử dụng với giá gắn tường đạt tiêu chuẩn GS hoặc UL hoặc CSA với trọng lượng/khả năng chịu tải tối thiểu là 5,98 kg (13,18 pound).

Sử dụng màn hình

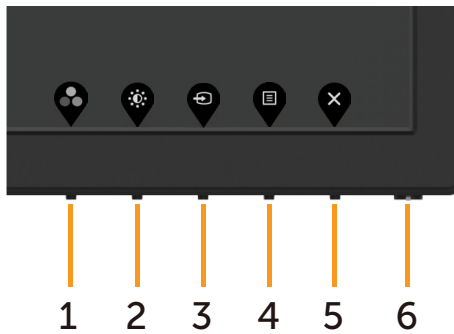
Bật màn hình

Nhấn nút  để bật màn hình.



Sử dụng các nút điều khiển mặt trước

Sử dụng các nút điều khiển ở mặt trước màn hình để điều chỉnh đặc điểm của hình đang hiển thị. Khi bạn sử dụng các nút này để điều chỉnh, menu OSD sẽ hiển thị trị số của những đặc điểm này khi thay đổi.

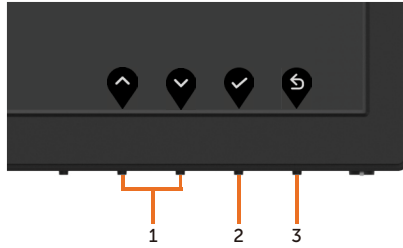






Bảng sau mô tả các nút ở mặt trước:

| Nút-mặt trước | Mô tả |
|---|---|
| 1  Nút tắt: Chế độ cài sẵn | Sử dụng nút này để chọn từ danh sách các chế độ màu cài sẵn. |
| 2  Nút tắt: Độ sáng/Độ tương phản | Dùng nút này để chọn từ danh sách Độ sáng/Độ tương phản . |
| 3  Nút tắt: Nguồn vào | Dùng nút này để chọn từ danh sách Nguồn vào. |
| 4  Menu | Dùng nút menu này để bật màn hình ảo (OSD) và chọn menu OSD. Xem Truy cập hệ thống menu . |
| 5  Thoát | Dùng nút này để trở về menu chính hoặc thoát menu chính OSD. |
| 6  Nguồn (với đèn báo nguồn) | Dùng nút Nguồn để bật/tắt màn hình. Đèn LED trắng cho biết màn hình đang bật và hoạt động đầy đủ. Đèn LED trắng sáng chỉ Chế độ tiết kiệm điện DPMS. |

Nút-mặt trước

Dùng các nút ở mặt trước màn hình để chỉnh cài đặt hình ảnh.




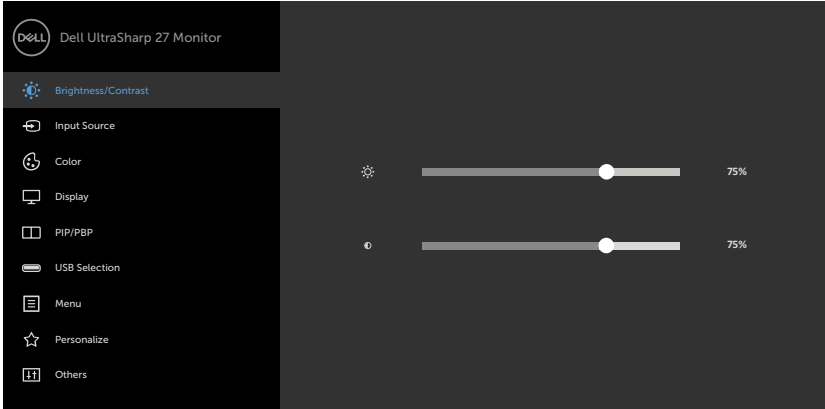
| Nút mặt trước | Mô tả |
|--|--|
| 1   Lên Xuống | Dùng các nút Lên (tăng) và Xuống (giảm) để chỉnh các mục trong menu OSD. |
| 2  OK | Dùng nút OK để xác nhận lựa chọn của bạn. |
| 3  Trở về | Dùng nút Trở về để trở về menu trước. |













Sử dụng menu màn hình ảo (OSD)

Truy cập hệ thống menu

LƯU Ý: Mọi thay đổi mà bạn thực hiện qua menu OSD sẽ được lưu lại tự động nếu bạn chuyển sang menu OSD khác, thoát menu OSD hoặc đợi menu OSD biến mất.

- 1 Nhấn nút  để bật menu OSD và hiển thị menu chính.



- 2 Nhấn nút  và  để chuyển giữa các tùy chọn. Khi bạn chuyển từ biểu tượng này sang biểu tượng khác, tên tùy chọn sẽ được bôi đậm.
- 3 Nhấn nút  hoặc  hoặc  một lần để kích hoạt tùy chọn vừa bôi đậm.
- 4 Nhấn nút  và  để chọn thông số mong muốn.
- 5 Nhấn  để vào thanh trượt rồi sử dụng nút  hoặc  theo các chỉ báo trên menu để thực hiện thay đổi.
- 6 Chọn  để trở về menu trước hoặc  để chấp nhận và trở về menu trước.

Biểu tượng

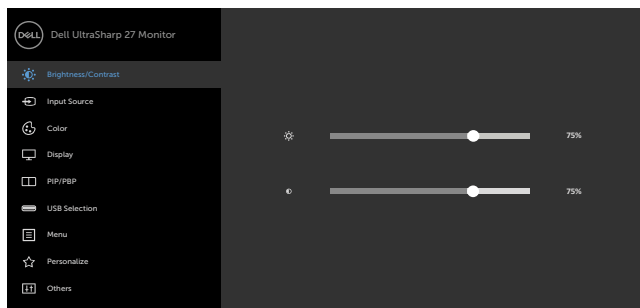
Menu và menu phụ

Mô tả



Brightness/Contrast (Độ sáng/Độ tương phản)


Dùng menu này để kích hoạt điều chỉnh **Brightness/Contrast (Độ sáng/Độ tương phản)**.



Brightness (Độ sáng)

Brightness (Độ sáng) giúp chỉnh độ sáng của đèn nền (tối thiểu 0; tối đa 100).



Nhấn nút  để tăng độ sáng.

Nhấn nút  để giảm độ sáng.


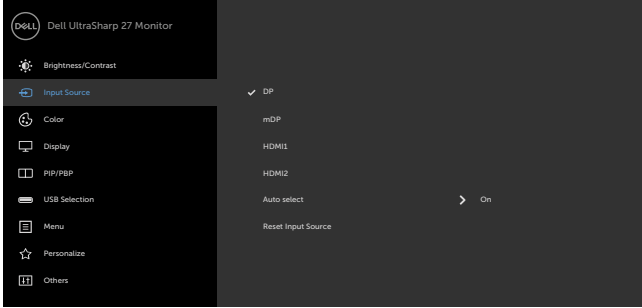






LƯU Ý: Tùy chọn Chỉnh thủ công **Brightness (Độ sáng)** sẽ tắt khi bật **Dynamic Contrast (Độ tương phản động)**.

Contrast (Độ tương phản)

Chỉnh **Brightness (Độ sáng)** trước rồi chỉnh **Contrast (Độ tương phản)** chỉ khi cần chỉnh thêm.

Nhấn nút  để tăng độ tương phản và nhấn nút  để giảm độ tương phản (0 ~ 100).

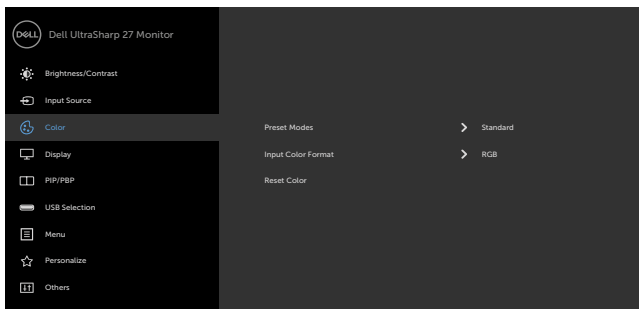
Độ tương phản giúp điều chỉnh sự khác biệt giữa bóng tối và ánh sáng trên màn hình.

| Biểu tượng | Menu và menu phụ | Mô tả |
|--|---------------------------------|---|
|  | Input Source (Nguồn vào) | Dùng menu Input Source (Nguồn vào) để chọn giữa các đầu vào video khác nhau có thể được kết nối với màn hình. |
|  | | |
|  | | |
| DP | | Chọn đầu vào DP khi bạn đang sử dụng đầu cắm DP (DisplayPort). Dùng  để chọn nguồn vào DP. |
| mDP | | Chọn đầu vào mDP khi bạn đang sử dụng đầu cắm mDP (mini DisplayPort). Dùng  để chọn nguồn vào mDP. |
| HDMI1 | | Chọn đầu vào HDMI1 khi bạn đang sử dụng đầu cắm HDMI. Dùng  để chọn nguồn vào HDMI1. |
| HDMI2 | | Chọn đầu vào HDMI2 khi bạn đang sử dụng đầu cắm HDMI. Dùng  để chọn nguồn vào HDMI2. |
| Auto Select (Chọn tự động) | | Sử dụng  để chọn Tự động Lựa chọn, màn hình sẽ quét các nguồn đầu vào sẵn có. |
| Reset Input Source (Thiết lập lại Nguồn vào) | | Thiết lập lại các Nguồn vào của màn hình về giá trị mặc định gốc. |



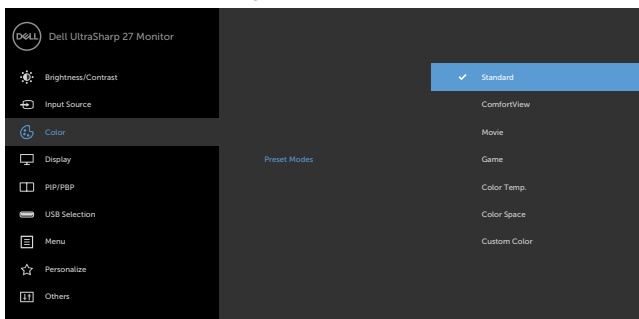
Color (Màu sắc)

Dùng menu **Color (Màu sắc)** để chỉnh chế độ cài đặt màu sắc.



Preset Mode (Chế độ cài sẵn)

Khi chọn **Chế độ cài sẵn**, bạn có thể chọn **Chuẩn**, **xem thoải mái**, **phim**, **Trò chơi**, **Nhiệt độ màu**, **Không gian màu** hoặc **Custom Color (Màu tùy chỉnh)** từ danh sách.

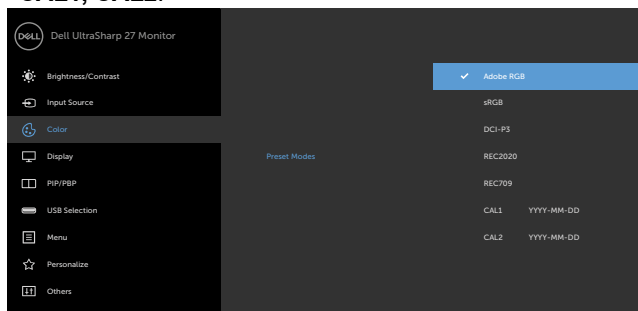


- **Standard (Chuẩn):** Cài đặt màu mặc định. Đây là chế độ cài sẵn mặc định.
- **ComfortView (Xem thoải mái):** Giảm mức ánh sáng xanh phát ra từ màn hình để giúp mắt của bạn xem thoải mái hơn.
LƯU Ý: Để giảm nguy cơ căng mắt cũng như đau cổ/cánh tay/lưng/vai khi sử dụng màn hình trong thời gian dài, chúng tôi khuyên người dùng nên:
 - Đặt màn hình cách xa mắt khoảng 20 đến 28 inch (50-70 cm).
 - Nháy mắt thường xuyên để làm ẩm mắt khi làm việc trước màn hình.
 - Cứ sau mỗi hai tiếng làm việc thì lại nghỉ giải lao thường xuyên và đều đặn trong khoảng 20 phút.

- Nhìn ra ngoài màn hình và tập trung vào một vật ở xa cách khoảng 6 mét trong ít nhất 20 giây khi giải lao.
- Vươn duỗi cơ thể để giải tỏa căng cơ ở vùng cổ/cánh tay/lưng/vai khi giải lao.
- **Movie (Phim):** Lý tưởng để xem phim.
- **Game (Trò chơi):** Lý tưởng cho hầu hết các ứng dụng chơi game.
- **Nhiệt độ màu:** Màn hình hiển thị nóng hơn bằng sắc màu đỏ/vàng với thanh trượt được thiết lập ở mức 5.000K hoặc mát hơn bằng sắc màu xanh lam với thanh trượt được thiết lập ở mức 10.000K.

LƯU Ý: Khi BẬT Smart HDR, các chế độ cài sẵn Phim ảnh và Trò chơi sẽ hoạt động với ánh sáng nền mờ trong máy.

- **Không gian màu:** Cho phép người dùng chọn không gian màu: **Adobe RGB, sRGB, DCI-P3, REC2020, REC709, CAL1, CAL2.**







- **Adobe RGB:** Chế độ này tương thích với Adobe RGB (Bao phủ 100%).
- **sRGB (Đỏ-Lục-Lam chuẩn):** Mô phỏng 100% sRGB.
- **DCI-P3:** Chế độ này bằng 97,7% tiêu chuẩn chiếu phim kỹ thuật số DCI-P3.
- **REC2020:** Chế độ này phù hợp với tiêu chuẩn 76,9% Ghi 2020.
- **REC709:** Chế độ này phù hợp với tiêu chuẩn 100% Ghi 709.
- **CAL1/CAL2:** Chế độ cài sẵn do người dùng hiệu chỉnh qua Phần mềm hiệu chỉnh màu Dell Ultrasharp hoặc phần mềm khác do Dell chấp nhận. Phần mềm hiệu chỉnh màu Dell Ultrasharp hoạt động với thiết bị đo màu X-rite i1Display Pro. Có thể mua thiết bị đo màu i1Display Pro từ trang web Hàng điện tử, Phần mềm và Phụ kiện của Dell.

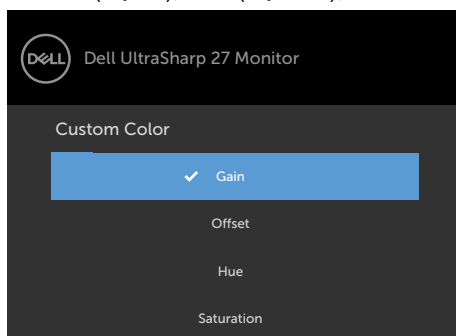
LƯU Ý: Độ chính xác của **sRGB**, **Adobe RGB**, **REC2020**, **REC709**, **DCI-P3**, **CAL1** và **CAL2** được tối ưu hóa cho định dạng màu đầu vào RGB.

LƯU Ý: **Cài về mặc định gốc** sẽ xóa mọi dữ liệu đã hiệu chỉnh trong **CAL1** và **CAL2**.

LƯU Ý: YYYY-MM-DD mô tả ngày hiệu chỉnh gần nhất. Nếu không gian này còn để trống, nó có nghĩa là chưa có hiệu chỉnh nào được lưu.

• **Custom Color (Màu tùy chỉnh):** Cho phép bạn tự chỉnh thủ công các cài đặt màu sắc. Nhấn nút  và  để chỉnh các giá trị Red (Đỏ), Green (Lục) và Blue (Lam) và tạo chế độ màu cài sẵn riêng của bạn.

Sử dụng các nút  và  để chọn Gain (Tăng cường), Offset (Độ bù), Hue (Độ màu), Saturation (Độ bão hòa).



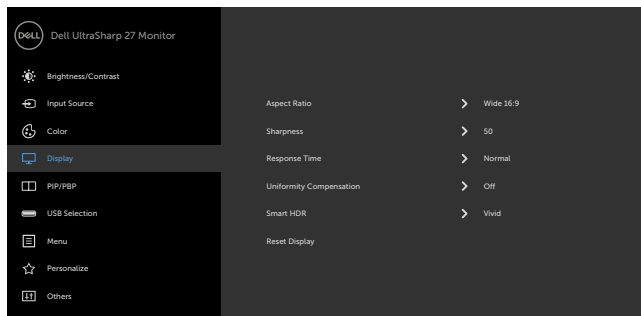
- **Tăng cường:** Chọn nó để chỉnh mức tăng cường tín hiệu RGB đầu vào (giá trị mặc định là 100).
- **Độ bù:** Chọn nó để chỉnh độ bù mức đen RGB (giá trị mặc định là 50) nhằm điều chỉnh màu gốc màn hình của bạn.
- **Độ màu:** Chọn để chỉnh riêng giá trị độ màu RGBCMY (giá trị mặc định là 50).
- **Độ bão hòa:** Chọn để chỉnh riêng giá trị độ bão hòa RGBCMY (giá trị mặc định là 50).

| Biểu tượng | Menu và menu phụ | Mô tả |
|------------|---|--|
| | Input Color Format (Định dạng màu sắc đầu vào) | Cho phép bạn cài chế độ đầu vào video sang: RGB: Chọn tùy chọn này nếu màn hình của bạn được kết nối với máy tính (hoặc đầu đĩa DVD) bằng cáp HDMI, DP-mDP. YPbPr: Chọn tùy chọn này nếu đầu phát DVD của bạn chỉ hỗ trợ đầu ra YPbPr. |
| | |  <p style="text-align: right;"> ⬆️ ⬇️ ⬆️ ⬇️ </p> |
| | Hue (Tông màu) | Dùng ⬆️ hoặc ⬇️ để chỉnh tông màu từ mức '0' đến '100'. LƯU Ý: Tính năng chỉnh tông màu chỉ có sẵn ở chế độ Phim và Trò chơi. |
| | Saturation (Độ bão hòa) | Dùng ⬆️ hoặc ⬇️ để chỉnh độ bão hòa từ mức '0' đến '100'. LƯU Ý: Tính năng chỉnh Độ bão hòa có sẵn ở chế độ Phim và Trò chơi. |
| | Reset Color (Thiết lập lại cài đặt màu sắc) | Thiết lập lại các cài đặt màu sắc của màn hình về giá trị mặc định gốc. |



Display (Hiện thị)

Dùng menu **Display (Hiện thị)** để chỉnh hình ảnh.





Aspect Ratio (Tỷ lệ khung hình)

Chỉnh tỷ lệ hình sang Rộng **16:9**, Tự chỉnh kích thước, **4:3** hoặc **1:1**.

Sharpness (Độ sắc nét)

Giúp hình ảnh thêm sắc nét hoặc mềm mại.

Dùng  hoặc  để chỉnh độ sắc nét từ '0' đến '100'.

Response Time (Thời gian đáp ứng)

Cho phép bạn cài **Response Time (Thời gian đáp ứng)** sang **Normal (Thường)** hoặc **Fast (Nhanh)**.

Độ bù đồng nhất

Chọn các cài đặt độ bù sáng và màu sắc màn hình.

Độ bù đồng nhất điều chỉnh các vùng khác nhau của màn hình hướng về tâm để đạt độ sáng và màu sắc đồng nhất trên toàn màn hình.

Smart HDR

Cho phép bạn đặt HDR ở trạng thái **TẮT**, Bình thường hoặc **Sống động**.

LƯU Ý: Bản đồ sống động cho REC 2020. Bản đồ thường cho DCI-P3.

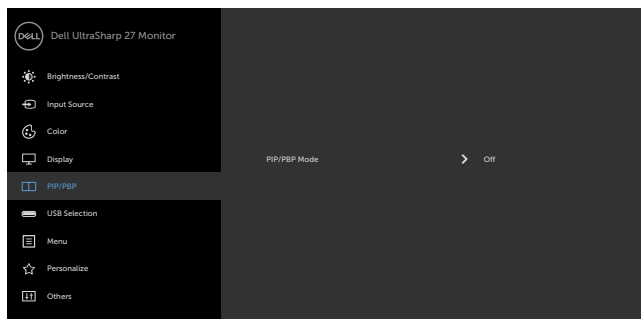
Reset Display (Thiết lập lại cài đặt hiển thị)

Phục hồi cài đặt màn hình về các giá trị mặc định gốc.



PIP/PBP





Chức năng này sẽ mang đến cửa sổ hiển thị hình ảnh từ nguồn đầu vào khác. Vì vậy bạn có thể xem hai hình ảnh từ các nguồn khác nhau cùng lúc.






| Cửa sổ Chính | Cửa sổ Phụ | | | |
|--------------|------------|-----|-------|-------|
| | DP | mDP | HDMI1 | HDMI2 |
| DP | X | √ | √ | √ |
| mDP | √ | X | √ | √ |
| HDMI1 | √ | √ | X | √ |
| HDMI2 | √ | √ | √ | X |

Chế độ PIP/PBP

Điều chỉnh chế độ PBP (Ảnh với Ảnh) thành **PIP Nhỏ**, **PIP Lớn**, hoặc **PBP**. Bạn có thể tắt tính năng này bằng cách chọn **Tắt**.

| Off | PIP Small | PIP Large | PBP |
|---|---|---|---|
|  |  |  |  |

PIP/PBP (Phụ) Chọn giữa các tín hiệu video khác nhau có thể được kết nối với màn hình của bạn cho cửa sổ phụ PIP/PBP.

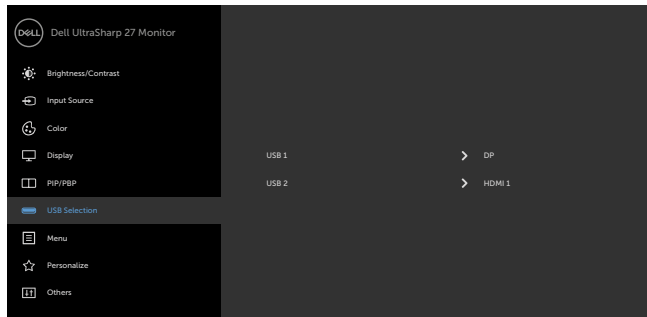
| Biểu tượng | Menu và menu phụ | Mô tả |
|------------|-------------------|---|
| | Vị trí PIP | Chọn vị trí cửa sổ phụ PIP. Sử dụng  hoặc  để duyệt qua và  để chọn Trên cùng bên trái, Trên cùng bên phải, Dưới cùng bên phải hoặc Dưới cùng bên trái. |
| | Công tắc Chọn USB | Chọn để chuyển đổi giữa nguồn ngược tuyến USB ở chế độ PBP. |
| | Nguồn âm thanh | Cho phép bạn cài đặt nguồn âm thanh từ cửa sổ chính hoặc cửa sổ phụ. |
| | Tương phản (Phụ) | Thay đổi cài đặt Tương phản của video Phụ. |





Lựa chọn USB

Chọn tín hiệu ngược tuyến USB trong danh sách: DP, mDP và HDMI, do đó cổng hướng xuôi USB của màn hình (ví dụ như bàn phím và chuột) có thể được sử dụng bởi các tín hiệu đầu vào hiện tại khi kết nối máy tính với một trong các cổng ngược tuyến.

Kết nối màn hình hiển thị và cổng ngược tuyến USB có thể được thay đổi bằng cách chọn chức năng nguồn đầu vào. Khi bạn chỉ sử dụng một cổng ngược tuyến, cổng ngược tuyến được kết nối sẽ hoạt động.



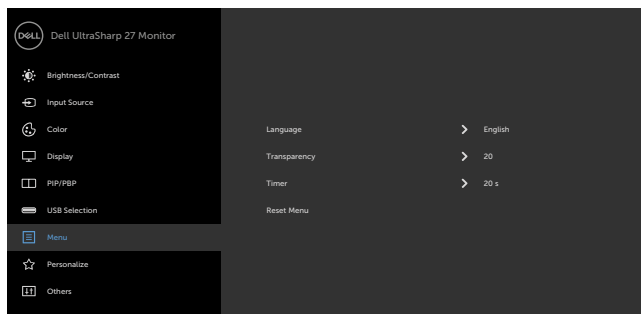
LƯU Ý: Để tránh làm hỏng hoặc mất dữ liệu, trước khi thay đổi cổng ngược tuyến USB, hãy đảm bảo rằng máy tính kết nối với cổng ngược tuyến USB của màn hình KHÔNG sử dụng thiết bị lưu trữ USB nào.

| | |
|-------|---|
| USB 1 | Sử dụng  để Cho biết tín hiệu đầu vào cho USB 1. |
| USB 2 | Sử dụng  để Cho biết tín hiệu đầu vào cho USB 2. |



Menu

Chọn tùy chọn này để chỉnh các cài đặt của menu OSD chẳng hạn như ngôn ngữ menu OSD, thời lượng mà menu này tiếp tục hiển thị trên màn hình, v.v...



Language (Ngôn ngữ)

Cài menu hiển thị OSD sang một trong 8 ngôn ngữ. (Tiếng Anh, Tiếng Tây Ban Nha, Tiếng Pháp, Tiếng Đức, Tiếng Bồ Đào Nha Brazil, Tiếng Nga, Tiếng Hoa Giản Thể hoặc Tiếng Nhật).

Transparency (Độ trong suốt)

Chọn tùy chọn này để đổi độ trong suốt của menu bằng cách dùng nút và (tối thiểu 0/tối đa 100).

Timer (Hẹn giờ)

OSD Hold Time (Giờ giữ menu OSD): Cài thời lượng mà menu OSD tiếp tục hoạt động sau khi bạn nhấn nút.

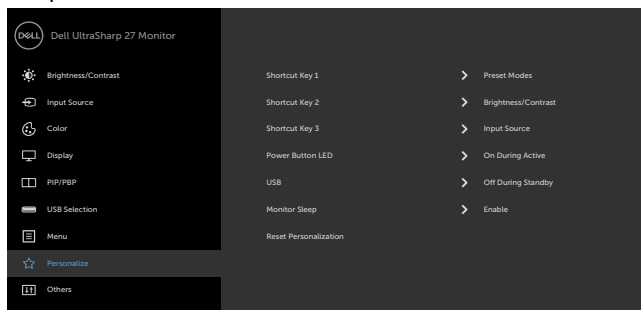
Dùng nút và để chỉnh thanh trượt tăng thêm 1 giây từ 5 đến 60 giây.

Reset Menu (Thiết lập lại cài đặt menu)

Phục hồi các cài đặt menu về giá trị mặc định gốc.

**Personalize (Cá nhân hóa)**

Chọn Chế độ Cài sẵn, Độ sáng/Độ tương phản, Nguồn đầu vào, Tỷ lệ khung hình, Chế độ PBP, hoặc Smart HDR và đặt làm phím tắt.

**Power Button LED (Đèn LED nguồn)**

Cho phép bạn cài trạng thái đèn nguồn để tiết kiệm năng lượng.

USB

Cho phép bạn bật hoặc tắt chức năng USB ở chế độ chờ màn hình.

LƯU Ý: USB ON/OFF (USB BẬT/TẮT) ở chế độ chờ chỉ có sẵn khi đã ngắt cáp ngược dòng USB. Tùy chọn này sẽ có màu xám khi cắm cáp ngược dòng USB.

Chế độ chờ màn hình

Ngủ Sau khi Hết thời gian: Màn hình sẽ ở chế độ ngủ sau khi hết thời gian.

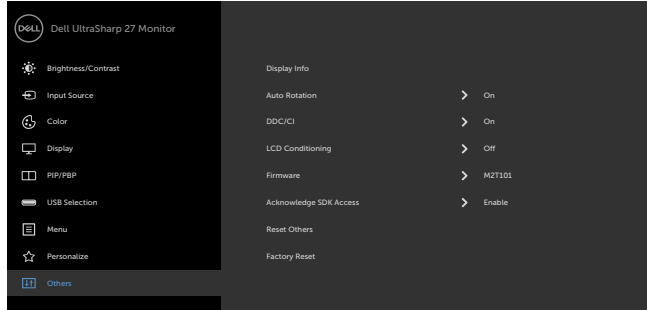
Không bao giờ: Màn hình không bao giờ ở chế độ ngủ.

Reset Personalization (Cài lại cá nhân hóa)

Phục hồi nút tắt về các giá trị mặc định.



Other (Khác)



Chọn tùy chọn này để chỉnh các cài đặt OSD như **DDC/CI**, **LCD conditioning (Điều tiết màn hình LCD)**, v.v...

Hiện thị thông tin

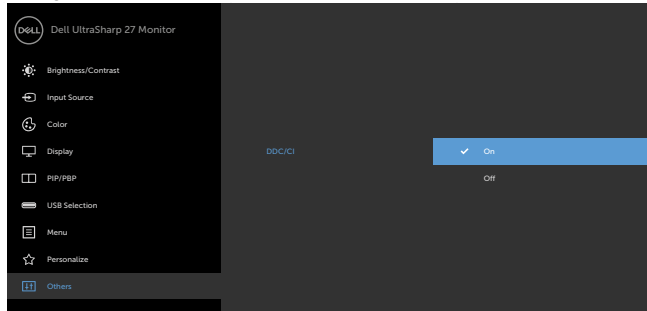
Hiện thị cài đặt hiện tại của màn hình.

Tự động xoay


OSD có thể xoay theo chiều kim đồng hồ hoặc ngược chiều kim đồng hồ, tùy theo hướng xoay của màn hình.

DDC/CI

DDC/CI (Kênh hiển thị dữ liệu/Giao diện lệnh) cho phép bạn chỉnh cài đặt màn hình bằng phần mềm trên máy tính. Chọn Tắt để tắt tính năng này. Bật chức năng này để có trải nghiệm người dùng tốt nhất và mang lại hiệu suất tối ưu cho màn hình của bạn.



| Biểu tượng | Menu và menu phụ | Mô tả |
|------------|--|--|
| | LCD Conditioning (Điều tiết màn hình LCD) | Giúp giảm bớt các trường hợp giữ ảnh không đáng kể. Tùy vào mức độ giữ ảnh, chương trình có thể cần thời gian để khởi động. Chọn Bật để bắt đầu quy trình. |
| |  |  |
| | Firmware | Phiên bản firmware |
| | Nhận Truy cập SDK | Cho phép bạn nhận truy cập từ ứng dụng vào màn hình. |
| | Reset Other (Thiết lập lại cài đặt khác) | Phục hồi các cài đặt khác như DDC/CI về giá trị mặc định gốc. |
| | Factory Reset (Cài về mặc định gốc) | Phục hồi mọi cài đặt OSD về giá trị mặc định gốc. |

 **LƯU Ý:** Màn hình này tích hợp tính năng tự động chỉnh độ sáng để bù vào tình trạng lão hóa đèn LED.

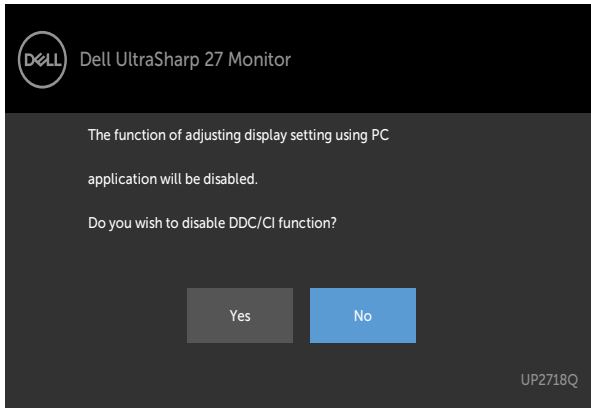
Thông tin cảnh báo OSD

Khi màn hình không hỗ trợ chế độ phân giải cụ thể, bạn sẽ nhìn thấy thông báo sau:

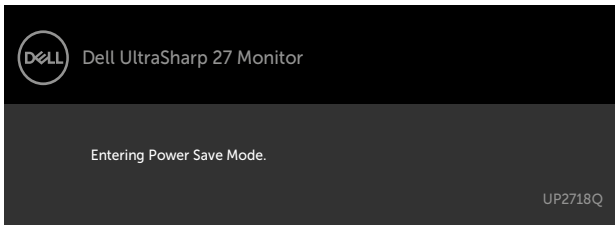


Điều này nghĩa là màn hình không thể đồng bộ với tín hiệu đang nhận được từ máy tính. Xem [Thông số kỹ thuật màn hình](#) để biết biên độ tần số Ngang và Dọc mà màn hình này hỗ trợ truyền phát. Chế độ khuyến dùng là 3840 x 2160.

Bạn sẽ nhìn thấy thông báo sau đây trước khi tắt chức năng DDC/CI:

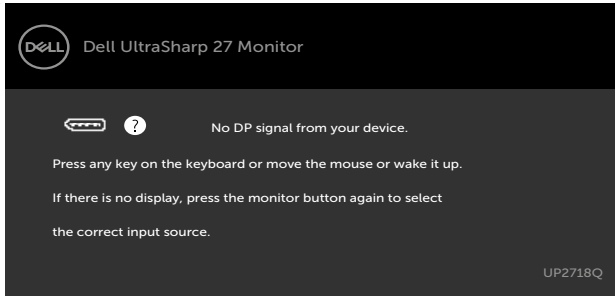


Khi màn hình vào chế độ **Power Save (Tiết kiệm điện)**, thông báo sau đây sẽ hiển thị:

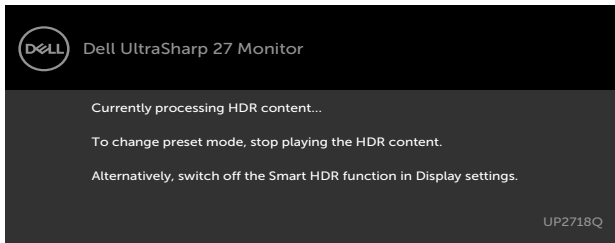


Kích hoạt máy tính và khởi động lại màn hình để truy cập menu OSD.

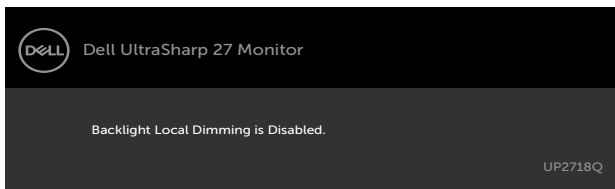
Nếu bạn nhấn bất kỳ nút nào trừ nút nguồn thì một trong các thông báo sau đây sẽ hiển thị tùy lựa chọn đầu vào:



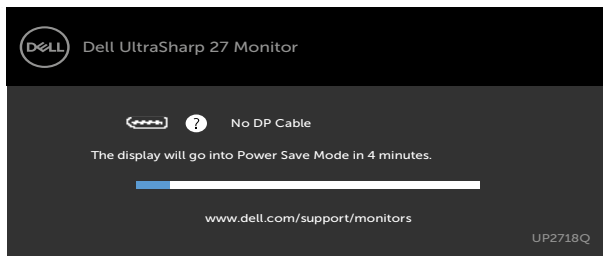
Khi người dùng cố gắng thay đổi chế độ cài sẵn trong lúc đang BẬT Smart HDR, thông báo sau đây sẽ xuất hiện:



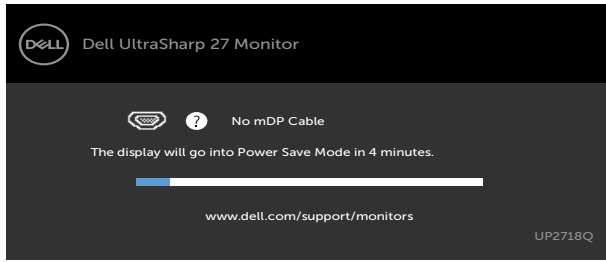
Nếu bất kì khu vực đèn nền nào hoạt động quá 90% chu kì nhiệm vụ trong liên tục 30 phút, tính năng tối mờ/làm sáng từng vùng đèn nền sẽ tắt trong 30 phút. Khi tính năng tối mờ từng vùng tắt, thông báo sau sẽ hiển thị trên màn hình trong 3 giây:



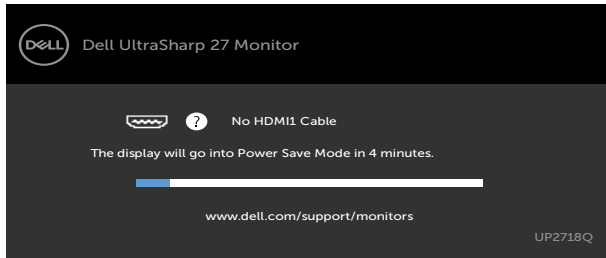
Nếu đã chọn đầu vào DP hoặc mDP hoặc HDMI1 hoặc HDMI2 và chưa kết nối cáp tương ứng, hộp thoại di động như minh họa dưới đây sẽ hiển thị.



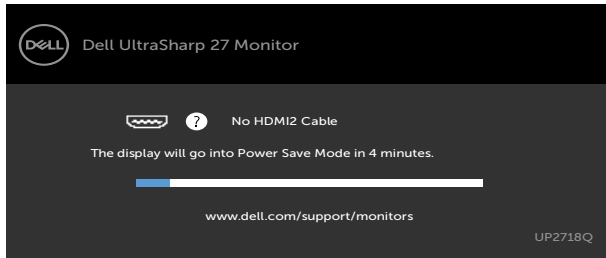
hoặc



hoặc



hoặc



Xem [Khắc phục sự cố](#) để biết thêm thông tin.

Khắc phục sự cố

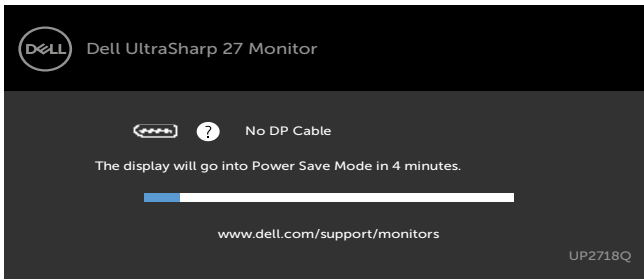
⚠ CẢNH BÁO: Trước khi bắt đầu bất cứ quy trình nào ở phần này, hãy tuân thủ **Hướng dẫn an toàn**.

Tự kiểm tra

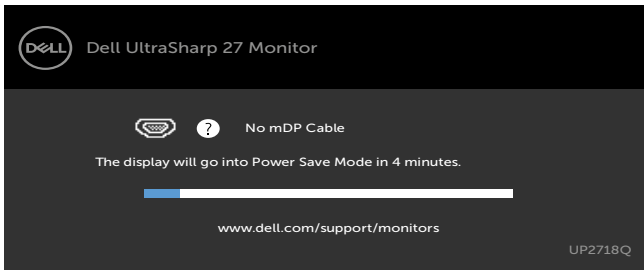
Màn hình cung cấp chức năng tự kiểm tra cho phép bạn kiểm tra xem màn hình có đang hoạt động đúng cách hay không. Nếu màn hình và máy tính của bạn được kết nối đúng cách nhưng màn hình vẫn tối, hãy chạy tùy chọn tự kiểm tra màn hình bằng cách thực hiện theo các bước sau:

- 1 Tắt máy tính lẫn màn hình.
- 2 Rút cáp video ra khỏi mặt sau máy tính. Để đảm bảo sử dụng thao tác Tự kiểm tra đúng cách, hãy rút tất cả các cáp kỹ thuật số và tương tự ra khỏi mặt sau máy tính.
- 3 Bật màn hình.

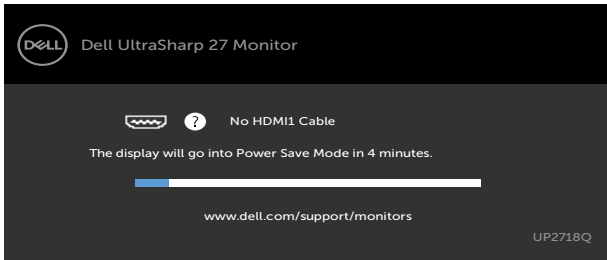
Hộp thoại di động sẽ hiển thị trên màn hình (trên phông nền đen) nếu màn hình không thể nhận tín hiệu video nhưng vẫn hoạt động đúng cách. Khi ở chế độ tự kiểm tra, đèn LED nguồn sẽ vẫn có màu trắng. Ngoài ra, tùy theo đầu vào đã chọn, một trong các hộp thoại liệt kê dưới đây sẽ liên tục cuộn qua màn hình.



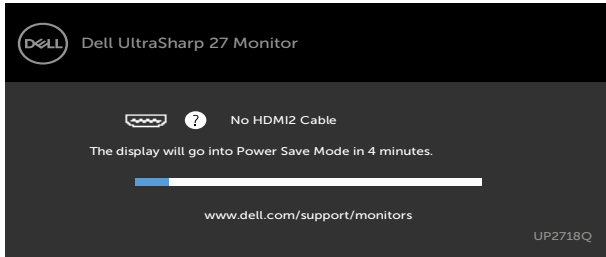
hoặc



hoặc



hoặc

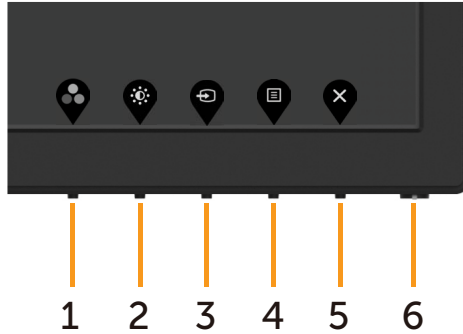


- 4 Hộp thoại này cũng hiển thị trong khi thao tác hệ thống bình thường nếu cáp video bị ngắt kết nối hoặc bị hỏng.
 - 5 Tắt màn hình và kết nối lại cáp video; sau đó bật máy tính lẫn màn hình.
- Nếu màn hình vẫn trống sau khi áp dụng quy trình trên, hãy kiểm tra bộ điều khiển video và máy tính vì màn hình của bạn đang hoạt động đúng cách.

Chẩn đoán tích hợp

Màn hình của bạn có công cụ chẩn đoán tích hợp giúp bạn xác định xem hoạt động bất thường của màn hình mà bạn đang gặp phải có phải là sự cố vốn có của màn hình hay của máy tính và card video.

LƯU Ý: Bạn chỉ có thể chạy công cụ chẩn đoán tích hợp khi rút cáp video và màn hình đang ở chế độ tự kiểm tra.



Để chạy chế độ chẩn đoán tích hợp:

- 1 Đảm bảo màn hình sạch sẽ (không có bụi bám trên bề mặt).
- 2 Rút (các) cáp video ra khỏi mặt sau máy tính hoặc màn hình. Màn hình lúc này chuyển sang chế độ tự kiểm tra.
- 3 Nhấn và giữ **Nút 1** trong 5 giây. Màn hình màu xám sẽ hiển thị.
- 4 Kiểm tra kỹ màn hình để phát hiện các bất thường.
- 5 Nhấn lại **Nút 1** ở mặt trước. Màn hình sẽ chuyển sang màu đỏ.
- 6 Kiểm tra màn hình để phát hiện mọi bất thường.
- 7 Lặp lại bước 5 và 6 để kiểm tra hiển thị trong các màn hình văn bản lục, lam, đen và trắng.

Quy trình kiểm tra hoàn tất khi màn hình văn bản hiển thị. Để thoát, nhấn lại **Nút 1**. Nếu không phát hiện bất cứ bất thường nào đối với màn hình sau khi sử dụng công cụ chẩn đoán tích hợp thì màn hình đang hoạt động đúng cách. Kiểm tra card video và máy tính.


Các sự cố thường gặp

Bảng sau đây cung cấp thông tin chung về các sự cố màn hình thường gặp mà bạn có thể gặp phải và các giải pháp khả thi:

| Triệu chứng chung | Sự cố gặp phải | Giải pháp khả thi |
|---|--|---|
| Không có video/ Đèn LED nguồn tắt | Không có hình | <ul style="list-style-type: none">• Đảm bảo cáp video đang kết nối với màn hình, và máy tính được kết nối đúng cách và an toàn.• Kiểm tra xem ổ cắm điện có đang hoạt động đúng cách với bất kỳ thiết bị điện nào khác hay không.• Đảm bảo nút nguồn được ấn xuống hết.• Đảm bảo đã chọn nguồn đầu vào thích hợp trong menu Nguồn đầu vào. |
| Không có video/ Đèn LED nguồn bật | Không có hình hoặc không sáng | <ul style="list-style-type: none">• Tăng mức chỉnh độ sáng & độ tương phản qua menu OSD.• Thực hiện kiểm tra bằng tính năng tự kiểm tra.• Kiểm tra xem chấu cắm có bị cong hoặc gãy trong đầu cắm cáp video hay không.• Chạy công cụ chẩn đoán tích hợp.• Đảm bảo đã chọn nguồn đầu vào thích hợp trong menu Nguồn đầu vào. |
| Thiếu điểm ảnh | Màn hình LCD có các chấm | <ul style="list-style-type: none">• Chu kỳ bật/tắt nguồn.• Điểm ảnh tắt vĩnh viễn là lỗi tự nhiên có thể xảy ra trong công nghệ màn hình LCD.• Để biết thêm thông tin về Chính Sách Chất Lượng và Điểm Ảnh Màn Hình Dell, vào trang Hỗ trợ của Dell tại: http://www.dell.com/support/monitors. |
| Điểm ảnh bị dính | Màn hình LCD có các chấm sáng | <ul style="list-style-type: none">• Chu kỳ bật/tắt nguồn.• Điểm ảnh tắt vĩnh viễn là lỗi tự nhiên có thể xảy ra trong công nghệ màn hình LCD.• Để biết thêm thông tin về Chính Sách Chất Lượng và Điểm Ảnh Màn Hình Dell, vào trang Hỗ trợ của Dell tại: http://www.dell.com/support/monitors. |
| Sự cố độ sáng | Hình quá mờ hoặc quá sáng | <ul style="list-style-type: none">• Thiết lập màn hình về cài đặt mặc định.• Chỉnh các mức độ sáng & độ tương phản qua menu OSD. |
| Sự cố liên quan đến an toàn | Các dấu hiệu khói hay tia lửa có thể nhìn thấy | <ul style="list-style-type: none">• Không thực hiện bất kỳ bước khắc phục sự cố nào.• Liên hệ ngay với Dell. |
| Sự cố gián đoạn | Giám sát hồng học bật & tắt | <ul style="list-style-type: none">• Đảm bảo cáp video kết nối màn hình với máy tính được kết nối đúng cách và an toàn.• Thiết lập màn hình về cài đặt mặc định.• Thực hiện kiểm tra bằng tính năng tự kiểm tra màn hình để xác định xem sự cố gián đoạn có xuất hiện ở chế độ tự kiểm tra hay không. |
| Thiếu màu sắc | Hình ảnh thiếu màu sắc | <ul style="list-style-type: none">• Thực hiện thao tác tự kiểm tra màn hình.• Đảm bảo cáp video kết nối màn hình với máy tính được kết nối đúng cách và an toàn.• Kiểm tra xem chấu cắm có bị cong hoặc gãy trong đầu cắm cáp video hay không. |

| Triệu chứng chung | Sự cố gặp phải | Giải pháp khả thi |
|---|---|---|
| Màu sắc không đúng | Màu sắc hình ảnh không đẹp | <ul style="list-style-type: none"> • Đổi các cài đặt của Preset Modes (Chế độ cài sẵn) trong menu OSD Color (Màu sắc) tùy vào ứng dụng. • Chỉnh giá trị R/G/B trong Custom (Tùy chỉnh). Color (Màu sắc) trong menu OSD Color (Màu sắc). • Đổi Input Color Format (Định dạng màu đầu vào) sang PC RGB hoặc YPbPr trong menu OSD Color (Màu sắc). • Chạy công cụ chẩn đoán tích hợp. |
| Lỗi giữ ảnh từ ảnh tĩnh vẫn còn lưu giữ trên màn hình trong một thời gian dài | Bóng mờ từ ảnh tĩnh hiển thị sẽ xuất hiện trên màn hình | <ul style="list-style-type: none"> • Sử dụng tính năng Quản lý nguồn để tắt màn hình bất cứ lúc nào không sử dụng (để biết thêm thông tin, xem Chế độ quản lý nguồn). • Ngoài ra, cũng có thể sử dụng chức năng bảo vệ màn hình thay đổi tự động. |

Sự cố liên quan đến sản phẩm

| Triệu chứng cụ thể | Sự cố gặp phải | Giải pháp khả thi |
|--|--|--|
| Ảnh màn hình quá nhỏ | Ảnh được canh giữa màn hình nhưng không hiển thị trên toàn bộ vùng xem | <ul style="list-style-type: none"> • Kiểm tra cài đặt Aspect Ratio (Tỷ lệ khung hình) trong menu OSD Display (Hiển thị). • Thiết lập màn hình về cài đặt mặc định. |
| Không có tín hiệu đầu vào khi nhấn các nút điều khiển người dùng | Không có hình, đèn LED màu trắng | <ul style="list-style-type: none"> • Kiểm tra nguồn tín hiệu. Đảm bảo máy tính không ở chế độ tiết kiệm điện bằng cách di chuyển chuột hoặc nhấn bất kỳ phím nào trên bàn phím. • Kiểm tra xem cáp tín hiệu có được cắm đúng cách hay không. Cắm lại cáp tín hiệu nếu cần thiết. • Khởi động lại máy tính hoặc đầu phát video. |
| Ảnh không hiển thị toàn màn hình | Ảnh không lấp đầy chiều cao hay trải rộng trên toàn màn hình | <ul style="list-style-type: none"> • Do các định dạng video khác nhau (tỷ lệ khung hình) của các đĩa DVD, màn hình có thể hiển thị trên toàn màn hình. • Chạy công cụ chẩn đoán tích hợp. |
| Không có hình ảnh khi dùng kết nối DP với PC | Màn hình đen | <ul style="list-style-type: none"> • Xác nhận xem card đồ họa của bạn được chứng nhận theo chuẩn DP nào (DP1,1a hay DP1,4). Tải về và cài đặt driver card đồ họa mới nhất. • Một số card đồ họa DP1,1a không thể hỗ trợ các màn hình DP1,4. Đến menu OSD, dưới Nguồn Đầu vào, nhấn giữ DP, chọn phím  trong 8 giây để thay đổi cài đặt màn hình từ DP 1,4 sang DP 1,1a. |

Sự cố Liên quan Đến Buýt Nối tiếp Đa năng (USB)

| Triệu chứng cụ thể | Sự cố gặp phải | Giải pháp khả thi |
|---|---|--|
| Giao diện USB hiện không hoạt động | Các thiết bị ngoại vi USB hiện không hoạt động | <ul style="list-style-type: none">• Đảm bảo bạn đã bật màn hình.• Cắm lại cáp ngược dòng vào máy tính.• Kết nối lại các thiết bị ngoại vi USB (cổng cắm xuôi dòng).• Tắt rồi bật lại màn hình.• Khởi động lại máy tính• Một số thiết bị USB cần dùng dòng điện công suất cao hơn; hãy kết nối thiết bị trực tiếp với hệ thống máy tính. |
| Giao diện USB 3.0 siêu tốc bị chậm. | Các thiết bị ngoại vi USB 3.0 siêu tốc hiện hoạt động chậm hoặc hầu như không hoạt động | <ul style="list-style-type: none">• tương thích với chuẩn USB 3,0 hay không.• Một số máy tính có các cổng USB 3.0, USB 2.0 và USB 1.1. Đảm bảo sử dụng cổng USB thích hợp.• Cắm lại cáp ngược dòng vào máy tính.• Kết nối lại các thiết bị ngoại vi USB (cổng cắm xuôi dòng).• Khởi động lại máy tính |
| Các thiết bị ngoại vi USB không dây sẽ ngừng hoạt động khi cắm thiết bị USB 3.0 vào | Thiết bị ngoại vi USB không dây phản ứng chậm hoặc chỉ hoạt động khi khoảng cách giữa nó và thiết bị thu ngắn bớt | <ul style="list-style-type: none">• Tăng khoảng cách giữa các thiết bị ngoại vi USB 3.0 và bộ thu USB không dây.• Đặt bộ thu USB không dây càng gần càng tốt so với các thiết bị ngoại vi USB không dây.• Sử dụng cáp mở rộng USB để đặt bộ thu USB không dây càng xa càng tốt so với cổng USB 3.0. |

Hướng dẫn an toàn

Đối với màn hình có mặt vát bóng láng, người dùng nên cân nhắc đến việc lắp đặt màn hình vì mặt vát có thể gây ra phản ứng nhiễu loạn từ các bề mặt sáng và ánh sáng xung quanh.

⚠ CẢNH BÁO: Sử dụng các nút điều khiển, các điều chỉnh hoặc quy trình khác ngoài các hướng dẫn nêu trong tài liệu này có thể dẫn đến giật điện, các nguy cơ về điện và/hoặc nguy hiểm về máy móc.

Để biết thông tin về hướng dẫn an toàn, hãy xem Thông tin An toàn, Môi trường và Quy định (SERI).

Thông báo FCC (Chỉ áp dụng ở Mỹ) và Thông tin quy định khác

Để biết các thông báo FCC và thông tin quy định khác, hãy vào trang web tuân thủ quy định tại www.dell.com/regulatory_compliance.

Liên hệ với Dell

📧 LƯU Ý: Nếu không có bất kỳ kết nối internet nào đang hoạt động, bạn có thể tìm thấy thông tin liên hệ trên hóa đơn mua hàng, phiếu giao hàng, tờ rơi quảng cáo hoặc catalog sản phẩm Dell.

Dell cung cấp nhiều tùy chọn dịch vụ và hỗ trợ qua mạng và qua điện thoại. Khả năng có sẵn dịch vụ sẽ khác nhau ở mỗi quốc gia và sản phẩm, một số dịch vụ có thể không có sẵn tại khu vực của bạn.

Để tải nội dung hỗ trợ màn hình trực tuyến:

Vào trang web www.dell.com/support/monitors.

Để liên hệ với Dell về các vấn đề bán hàng, hỗ trợ kỹ thuật hoặc dịch vụ khách hàng:

- 1 Truy cập www.dell.com/support.
- 2 Xác minh quốc gia hoặc khu vực của bạn trong menu Choose A Country/Region (Chọn một quốc gia/khu vực) sổ xuống ở góc trái phía trên trang web.
- 3 Nhấp **Contact Us (Liên hệ)** gần mục quốc gia sổ xuống.
- 4 Chọn liên kết dịch vụ hoặc hỗ trợ thích hợp tùy theo nhu cầu của bạn.
- 5 Chọn cách thức liên hệ với Dell thuận tiện cho bạn.

Cài đặt màn hình

Cài độ phân giải màn hình sang 3840 x 2160 (tối đa)

Để đạt hiệu suất tối ưu, cài độ phân giải màn hình sang 3840 x 2160 pixel bằng cách thực hiện các bước sau:

Trong Windows Vista, Windows 7, Windows 8 hoặc Windows 8.1:

- 1 Đối với Windows 8 hoặc Windows 8.1, chọn biểu tượng Desktop (Màn hình nền) để chuyển sang màn hình nền cổ điển.
- 2 Nhấp chuột phải vào màn hình nền và nhấp **Screen Resolution (Độ phân giải màn hình)**.
- 3 Nhấp vào danh sách Độ phân giải màn hình sổ xuống và chọn 3840 x 2160.
- 4 Nhấp **OK**.


Trong Windows 10:

- 1 Nhấp phải vào màn hình nền máy vi tính và nhấp **Display settings**.
- 2 Nhấp vào **Advanced display settings**.
- 3 Nhấp vào danh sách Độ phân giải thả xuống và chọn 3840 x 2160.
- 4 Nhấp vào **Apply**.

Nếu không nhìn thấy độ phân giải khuyến dùng như một tùy chọn thì bạn có thể cần cập nhật driver đồ họa. Hãy chọn tình huống dưới đây mô tả tốt nhất về hệ thống máy tính bạn đang sử dụng và thực hiện theo các hướng dẫn có sẵn.

Máy tính Dell

- 1 Truy cập www.dell.com/support, nhập thẻ dịch vụ của bạn và tải về driver mới nhất cho card đồ họa.
- 2 Sau khi cài đặt driver cho card đồ họa, thử cài lại độ phân giải sang 3840 x 2160.

 **LƯU Ý:** Nếu bạn không thể cài độ phân giải sang 3840 x 2160, vui lòng liên hệ với Dell để hỏi thông tin về card đồ họa có hỗ trợ các độ phân giải này.

Máy tính không phải của Dell

Trong Windows Vista, Windows 7, Windows 8 hoặc Windows 8.1:

- 1 Đối với Windows 8 hoặc Windows 8.1, chọn biểu tượng desktop (Màn hình nền) để chuyển sang màn hình nền cổ điển.
- 2 Nhấp chuột phải vào màn hình nền và nhấp **Personalization (Cá nhân hóa)**.
- 3 Nhấp **Change Display Settings (Đổi cài đặt màn hình)**.
- 4 Nhấp **Advanced Settings (Cài đặt nâng cao)**.
- 5 Xác định nhà cung cấp bộ điều khiển đồ họa của bạn từ phần mô tả ở phía trên cửa sổ (ví dụ: NVIDIA, AMD, Intel, v.v...).
- 6 Tham khảo trang web nhà cung cấp card đồ họa để cập nhật driver (ví dụ: <http://www.AMD.com> hoặc <http://www.NVIDIA.com>).
- 7 Sau khi cài đặt driver cho card đồ họa, thử cài lại độ phân giải sang **3840 x 2160**.

Trong Windows 10:

- 1 Nhấp phải vào màn hình nền máy vi tính và nhấp **Display settings**.
- 2 Nhấp vào **Advanced display settings**.
- 3 Nhấp vào **Display adapter properties**.
- 4 Xác định nhà cung cấp bộ điều khiển đồ họa của bạn từ phần mô tả ở phía trên cửa sổ (ví dụ: NVIDIA, AMD, Intel, v.v...).
- 5 Tham khảo trang web nhà cung cấp card đồ họa để cập nhật driver (ví dụ: <http://www.AMD.com> hoặc <http://www.NVIDIA.com>).
- 6 Sau khi cài đặt driver cho card đồ họa, thử cài lại độ phân giải sang **3840 x 2160**.



LƯU Ý: Nếu bạn không thể cài độ phân giải khuyến dùng, hãy liên hệ với nhà sản xuất máy tính hoặc cân nhắc mua card đồ họa có hỗ trợ độ phân giải video.

Hướng dẫn bảo dưỡng

Vệ sinh màn hình



CẢNH BÁO: Trước khi vệ sinh màn hình, hãy rút cáp nguồn màn hình khỏi ổ cắm điện.



CHÚ Ý: Đọc và thực hiện theo [Hướng dẫn an toàn](#) trước khi vệ sinh màn hình.

Để thực hành tốt nhất, hãy thực hiện theo các hướng dẫn trong danh sách dưới đây khi mở thùng đựng, vệ sinh hoặc cầm nắm màn hình:

- Để vệ sinh màn hình khử tĩnh điện, thấm ướt sơ khăn mềm sạch bằng nước. Nếu có thể, hãy dùng giấy lụa hoặc dung dịch vệ sinh màn hình đặc biệt chuyên dùng cho lớp phủ khử tĩnh điện. Không sử dụng benzen, chất pha loãng, amoniac, dung dịch tẩy ăn mòn hoặc khí nén.
- Dùng khăn mềm hơi ẩm để lau sạch màn hình. Tránh sử dụng bất kỳ loại chất tẩy rửa nào vì một số chất tẩy rửa sẽ để lại lớp màng đục trên màn hình.
- Nếu bạn nhìn thấy chất bột trắng khi mở thùng đựng màn hình, hãy dùng khăn lau sạch.
- Cầm nắm màn hình cẩn thận vì màn hình màu tối có thể bị trầy xước và hiện ra các vết mòn trắng nhiều hơn màn hình màu sáng.
- Để giúp màn hình duy trì chất lượng hình ảnh tối ưu nhất, hãy sử dụng chế độ bảo vệ màn hình tự động thay đổi và tắt nguồn màn hình khi không sử dụng.